



CÔNG TY CỔ PHẦN **CẦU ĐỐNG**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2017**

NĂM 2018

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY | 1 |
| A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY | 3 |
| 1. Thông tin khái quát | 4 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 5 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 5 |
| 4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý | 17 |
| 5. Định hướng phát triển | 19 |
| 6. Quản trị rủi ro | 20 |
| 7. Phân tích SWOT | 22 |
| B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 | 23 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 | 24 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 27 |
| 3. Tình hình tài chính | 32 |
| 4. Cơ cấu vốn cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 33 |
| C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 36 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 37 |
| 2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2018 | 42 |
| D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 43 |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty trong năm 2017 | 44 |
| 2. Báo cáo tự đánh giá của HĐQT | 45 |
| 3. Định hướng năm 2018 | 46 |
| E. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 48 |
| 1. Hội đồng quản trị | 49 |
| 2. Ban kiểm soát | 52 |
| F. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 56 |
| 1. Tổng quan | 57 |
| 2. Các mục tiêu phát triển bền vững | 57 |
| G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ KIỂM TOÁN | 59 |

THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO CTCP CẦU ĐUỐNG

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Cầu Đống xin gửi tới quý khách hàng, quý cổ đông cùng quý vị đối tác lời chúc sức khỏe - an khang - thịnh vượng!

Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, 2017 là năm đánh dấu sự khôi phục mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6%, tăng 0,5% so với năm 2016 nhờ sự phát triển của đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Cho đến thời điểm này, châu Á - Thái Bình Dương vẫn luôn được coi là điểm sáng trong suốt một thập niên tăng trưởng kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 nhờ tinh thần hội nhập, nỗ lực thúc đẩy liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại. Hòa trong xu thế phát triển chung, kinh tế Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 6,7%, cao hơn 0,5% so với năm trước nhờ tổng cung được cải thiện, tổng cầu tăng mạnh nhờ gia tăng tiêu dùng, đầu tư và đặc biệt là xuất khẩu. Tuy nhiên, số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy thặng dư thương mại chủ yếu tập trung vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với giá trị xuất siêu lên đến 26,2 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp trong nước rơi vào tình trạng nhập siêu với mức thâm hụt 23,4 tỷ USD trong suốt 11 tháng đầu năm 2017. Đối mặt với thực trạng các công ty FDI đang có lợi thế lớn về vốn, công nghệ và giá trị thương hiệu trên thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp nội địa nói chung và các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng đang phải tìm lời giải cho bài toán khó về việc huy động vốn đầu tư, củng cố uy tín mà vẫn không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Là một doanh nghiệp với bề dày lịch sử hàng trăm năm, tiền thân là nhà máy gạch ngói Hưng Ký - nhà máy gạch ngói đầu tiên tại Đông Dương thế kỷ XX, chúng tôi tự hào là nhà cung cấp các sản phẩm gạch ngói chất lượng cao tới người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Với các sản phẩm nhiều năm liền đạt được các danh hiệu do các Bộ, Ngành Trung Ương và người tiêu dùng bình chọn, được các đối tác lớn như VINACONEX, HUD, UDIC... tin tưởng gắn bó. Ngoài ra, với đội ngũ kỹ sư giỏi, nhiệt huyết, không ngừng học hỏi, sáng tạo, công ty chúng tôi từ lâu đã trở thành một thương hiệu tin cậy trong lòng bạn bè cả nước trên lĩnh vực xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất gạch tuynel. Trong xu thế nền kinh tế đang ngày càng phát triển, với tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu về vật liệu xây dựng cũng tăng theo, tuy nhiên các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức khi có sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài và cung đang vượt quá cầu.

Hiểu được điều đó, Công ty chúng tôi không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại cho khách hàng lợi ích cao nhất. Khẳng định được thương hiệu, vị thế và uy

tín của mình là yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết đối với cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cầu Đống. Đích đến mà công ty hướng tới trong giai đoạn này hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Với kỳ vọng đưa Cầu Đống trở thành thương hiệu mạnh trong tương lai không xa, ban lãnh đạo cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty bứt phá trong giai đoạn đầy biến động của nền kinh tế.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cầu Đống xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm tháng khó khăn vừa qua. Cùng nhau, chúng ta hãy tiếp tục duy trì một tập thể đoàn kết, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn quý vị,

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Dũng



A. THÔNG TIN CHUNG

VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cầu Đống
- Tên tiếng anh: CauDuong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CDC.,JSC
- Mã chứng khoán: CDG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100104997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2006, thay đổi lần thứ tám ngày 24/11/2014
- Vốn điều lệ: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2017)
- Vốn chủ sở hữu: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2017)
- Trụ sở chính: Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội
- Điện thoại: 0243.961.1346
- Fax: 0243.880.0258
- Email: cdc@cauduong.com.vn
- Website: www.cauduong.com.vn

Tầm nhìn – Sứ mệnh:

- Tầm nhìn: Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, đưa Công ty cổ phần Cầu Đống trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nói chung và trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.
- Sứ mệnh: Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. **“Sự thịnh vượng và hài lòng của khách hàng”** là tôn chỉ hoạt động của Công ty chúng tôi.

Những thành tích đã đạt được:

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Cầu Đống tự hào được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc ngành Xây dựng trong nhiều năm liền, Đảng bộ và Công đoàn trong sạch vững mạnh, An ninh tự vệ đạt thành tích xuất sắc.

Cho đến thời điểm này, Công ty đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 01 Huân chương Lao động hạng nhất;

- + 01 Huân chương Lao động hạng nhì;
- + 04 Huân chương Lao động hạng ba;
- + 01 Huân chương Chiến công hạng ba;
- + 01 Huân chương Độc lập hạng ba;
- + 05 Cờ thi đua Xuất sắc của Bộ Xây dựng và UBND Thành phố Hà Nội;
- + 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- + 1905: Tiền thân là Xưởng gạch Hưng Ký, bắt đầu hoạt động từ năm 1905 với quy mô công nghiệp hình thành vào loại sớm nhất Đông Dương.
- + Ngày 05/02/1959: Xí nghiệp Công tư hợp doanh Gạch ngói Cầu Đống được thành lập theo Quyết định số 281/KTTC ngày 05/02/1959 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Ninh.
- + Năm 1992: Đổi tên là Xí nghiệp Gạch ngói Cầu Đống thuộc Sở Xây Dựng Hà Nội.
- + Năm 1995: Đổi tên là Công ty Vật liệu Xây dựng Cầu Đống.
- + Năm 2002: Đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Cầu Đống.
- + Tháng 12/2004: Trở thành đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC.
- + Năm 2006: Từ hình thức sở hữu Nhà nước, Công ty tiến hành xong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty cổ phần Cầu Đống.
- + Ngày 27/02/2017: Cổ phiếu CDG của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán UpCoM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: bao gồm sản xuất và kinh doanh Sản phẩm vật liệu xây dựng nung và Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung.
- Thi công xây lắp và tư vấn thiết kế: bao gồm Xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp và Xây lắp trong lĩnh vực dân dụng.
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.

1. SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG:

+ Sản phẩm vật liệu xây dựng nung: Gạch ngói, gốm đất sét nung là sản phẩm truyền thống của Công ty đã có từ hàng trăm năm nay. Công ty có 03 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng nung với dây chuyền sản xuất và hệ thống lò nung tuynel theo công nghệ tiên tiến nhất. Sau khi cho thuê khoán Nhà máy tại Xí nghiệp Cầu Đống, Công ty đã tiếp tục cho thuê khoán Nhà máy tại Xí nghiệp Sóc Sơn vào năm 2016. Hiện nay công ty đang vận hành sản xuất 01 nhà máy gạch ngói tuynel.

+ Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung: Mặc dù yếu tố thị trường chưa tạo đà cho vật liệu không nung phát triển nhưng công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất, đặc biệt là sản xuất các sản phẩm gạch đặc xây từ xi măng cốt liệu.

GẠCH XÂY LÁT, NGÓI LỢP

| | | | |
|-----------|---|-----------------|---|
| Gạch đặc |  | Gạch nem |  |
| Gạch 2 lỗ |  | Gạch lá dứa |  |
| Gạch 4 lỗ |  | Gạch chống nóng |  |
| Gạch 6 lỗ |  | Gạch xốp |  |

Gạch lỗ cắt dọc



Ngói 22



Gạch chịu lửa



Ngói bò



Công trình tiêu biểu sử dụng gạch đất sét nung Cầu Đống:

1.Khu đô thị Royal City

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ

Số lượng: 3.000.000 viên

Thời gian triển khai: 2012-2013



2.Khu đô thị Times City

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ,
gạch 6 lỗ

Số lượng: 5.000.000 viên

Thời gian triển khai: 2011-2013



3.Khu đô thị Mulberry Lane

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ.

Số lượng: 10.500.000 viên

Thời gian triển khai: 2011-2012



4.Khu đô thị Nam Thăng Long

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ,
gạch 6 lỗ.

Số lượng: 1.200.000 viên

Thời gian triển khai: 2010-2011



5.Khu đô thị Trung Yên

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ.

Số lượng: 1.000.000 viên

Thời gian triển khai:



6.Trung tâm Hội nghị quốc gia

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2
lỗ.

Số lượng: 1.000.000 viên

Thời gian triển khai: 2005-2006



SẢN PHẨM PHỤC CHẾ CÁC CÔNG TRÌNH DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

| | | | |
|----------------|--|-------------------|--|
| Gạch hoa chanh |  | Gạch bát phục chế |  |
| Ngói vảy cá |  | Gạch vồ |  |
| Ngói chiếu |  | Ngói Mũi Hài |  |

Di tích lịch sử - văn hóa được phục chế từ sản phẩm Cầu Đống:

Đền thờ Thánh Gióng
(Sóc Sơn)



Đền thờ Hai Bà Trưng
(Vĩnh Phúc)



Côn Sơn Kiếp Bạc
(Hải Dương)



Đền Hùng
(Phú Thọ)



Văn miếu Quốc Tử Giám
(Phục chế ngôi lợp cổ)



Chùa Thanh Nhàn
(Hà Nội)



SẢN PHẨM GẠCH, NGÓI KHÔNG NUNG

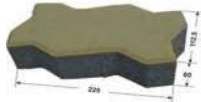
Gạch block xây



Gạch bát giác



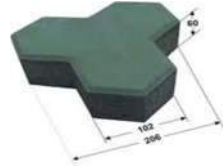
Gạch zic zắc



Gạch ô cổ



Gạch hình sao



Ngói màu



Công trình tiêu biểu sử dụng gạch block tự chèn/ ngói màu Cầu Đống:

1. Phố Kim Liên

Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 2.000 m²

Thời gian triển khai: 2013



2. Phố Thái Hà - Hoàng Cầu

Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 7000 m²

Thời gian triển khai: 2012



3. Đường Trần Phú

Sản phẩm: Gạch block hình sao

Số lượng: 4.000 m²

Thời gian triển khai: 2011



4. Trường Quốc tế BVIS- Vincom Village

Sản phẩm: Gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 2.000 m²

Thời gian triển khai: 2011-2012



5. Khu công nghiệp Quang Minh

Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 5.000 m²

Thời gian triển khai: 2010-2011



6. Khu đô thị Thạch Bàn

Sản phẩm: Ngói sóng lớn

Màu sắc: màu ghi sáng

Số lượng: 5.000 m²

Thời gian triển khai: 2012



2. THI CÔNG XÂY LẮP VÀ TƯ VẤN THIẾT KẾ

Công ty đã ký và triển khai được các hợp đồng xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp (xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói) và lĩnh vực dân dụng (thi công lắp đặt điện nước toà nhà HH2B – Linh Đàm). Đặc biệt, việc thi công và tư vấn thiết kế các nhà máy gạch ngói đã được công ty triển khai từ rất sớm, bắt đầu bằng việc xây lắp và chế tạo thiết bị lò nung nhà máy gạch tuynel Phú Yên vào năm 1998.

Hợp đồng thi công và tư vấn tiêu biểu:

Năm 2011: Xây dựng lò nung tuynel và nhà bao che công suất 40 triệu viên/năm cho CTCP Cầu Đường Hưng Yên.



Năm 2010: Sửa chữa, nâng cấp công suất nhà máy gạch ngói tuynel lên 20 triệu viên/năm cho CTCP gạch Nam An - Nam Định.



3. GIA CÔNG CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ

| | | | |
|-------------------------------------|---|---------------------------|---|
| <p>Máy đùn ép CK CEP600S</p> |  | <p>Kích đẩy goòng</p> |  |
| <p>Máy cắt gạch tự động TD1</p> |  | <p>Máy cấp liệu thùng</p> |  |
| <p>Con dấu lăn gạch</p> |  | <p>Máy nhào trộn</p> |  |
| <p>Máy cắt gạch tự động TD</p> |  | <p>Cán trục lọc sỏi</p> |  |
| <p>Xe phà điện</p> |  | <p>Máy nhào lọc sỏi</p> |  |

Máy cắt gạch bán tự động



Máy cán trục



Địa bàn kinh doanh:

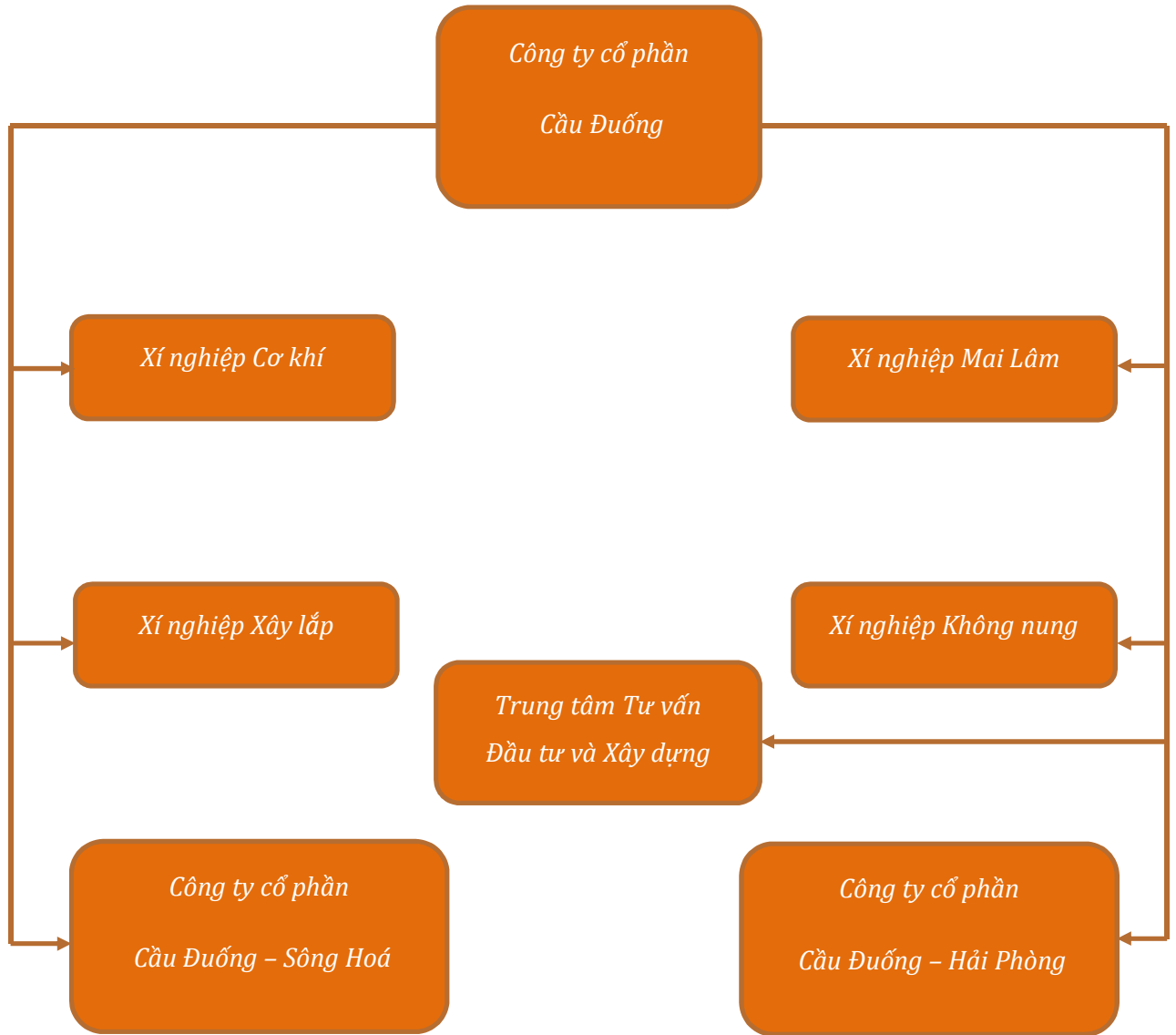
Các sản phẩm vật liệu xây dựng và cơ khí gia công của Cầu Đống được tin dùng bởi đông đảo người tiêu dùng trong phạm vi toàn quốc, trong đó các sản phẩm của công ty có mặt nhiều nhất tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên.

Công ty cổ phần Cầu Đống hoạt động chủ yếu thông qua trụ sở chính tại Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội; hệ thống các xí nghiệp tập trung tại huyện Đông Anh – Hà Nội là cung ứng chủ yếu các sản phẩm, dịch vụ cho việc phân phối tại trụ sở công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn sở hữu 02 công ty con là CTCP Cầu Đống Sông Hóa – Thái Bình và CTCP Cầu Đống Hải Phòng (đã thoái toàn bộ vốn vào tháng 05/2017); công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn được biết đến với vai trò công ty liên kết.

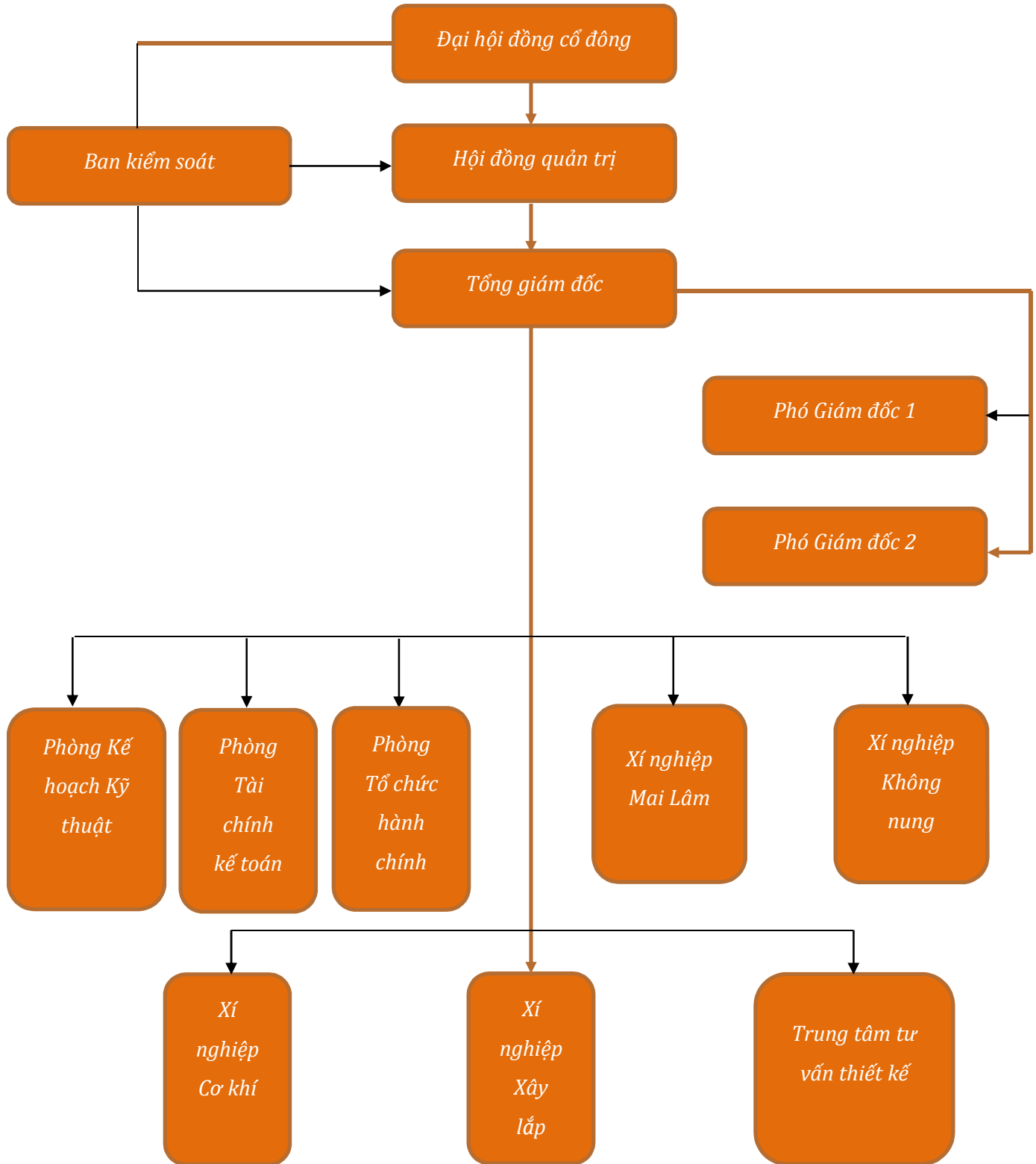


4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:



Bộ máy quản lý công ty:



Các công ty con, công ty liên kết:

| STT | Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu của CDG |
|-------------------------|---|--|--|----------------------|
| Công ty con | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Cầu Đống Sông Hóa | Thụy Việt – Thái Thụy – Thái Bình | Sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại. | 88,98% |
| 2 | Công ty Cổ phần Cầu Đống Hải Phòng | Cụm 6 – phường Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng | Sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. | 51,00% |
| Công ty liên kết | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn | Tổ 5, Phường Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | Sản xuất công nghiệp. | 14,44% |

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Tối đa hoá lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông;
- + Đóng góp ngày càng lớn vào Ngân sách Nhà nước;
- + Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- + Phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Duy trì sản xuất vật liệu nung và không nung theo hướng tập trung;
- + Cho thuê và cắt giảm các công đoạn không hiệu quả;
- + Kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, bù lỗ lũy kế và được chia cổ tức.

6. Quản trị rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là điều không thể tránh khỏi. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Tại Việt Nam, thị trường bất động sản bước vào giai đoạn dồi dào nguồn cung cũng là thời điểm số dự án khởi công mới càng ít đi, điều này khiến cho thị trường vật liệu xây dựng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tại các báo cáo về tình hình sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng của Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan đưa ra ở thời điểm cuối năm 2017 đều cho thấy, tình hình tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng ở trong nước tăng trưởng không mạnh. Đại diện Bộ Xây dựng nhận định: “Với đà này, năm 2018, các mặt hàng vật liệu xây dựng chủ chốt khó có tăng trưởng đột biến, thậm chí là khó tiêu thụ”.

Bên cạnh nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng trong nước đang chững lại, điều đáng lo ngại nhất là sự cạnh tranh quyết liệt với hàng có nguồn gốc từ nước ngoài, trong đó có Trung Quốc. Theo ông Nguyễn Quang Cung, Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, thông tin từ một số doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của Trung Quốc cho biết, với khẩu hiệu “Trung Quốc sáng tạo và giảm thiểu ô nhiễm môi trường”, ngành vật liệu xây dựng Trung Quốc đang có những bước chuyển mình rất lớn về công nghệ với các sản phẩm ngày càng đẹp hơn và giá cả thấp hơn. Bên cạnh đó, nhiều hãng vật liệu - nội thất danh tiếng đến từ Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Italia, Singapore... cũng đang nhắm đến Việt Nam như một thị trường tiềm năng. Đó sẽ là những đối thủ tiềm tàng của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam. Đại diện Hiệp hội Vật liệu xây dựng cho rằng, đây là thách thức rất lớn và không còn lựa chọn nào khác, các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trong nước phải chú trọng hơn nữa vào việc đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời với việc giảm giá thành... để có thể cạnh tranh sòng phẳng trên sân nhà.

Rủi ro lạm phát

Kiểm soát lạm phát là yếu tố quan trọng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2017, kinh tế Việt Nam đạt thắng lợi kép: kiểm soát được lạm phát và tăng trưởng kinh tế vượt chỉ tiêu của Quốc hội đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016. Đây là mức tăng khá thấp, tiếp tục khẳng định xu hướng ổn định vững chắc của nền kinh tế.

Đầu năm 2018, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tới, trong đó đề ra chỉ tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân ở mức 4%. Đây là thách thức không nhỏ khi các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2017, như đẩy nhanh đầu tư, nới tăng trưởng tín dụng có thể tác động trễ tới diễn biến CPI trong năm 2018. Tác động trễ của yếu tố tiền tệ đến lạm phát từ năm 2017 sang năm 2018 không lớn do hệ số thâm dụng tín dụng trong năm 2017 ước

đạt 2,04 lần, giảm so với mức 2,81 lần của năm 2016, nhưng cung tiền sẽ tác động đến lạm phát, nếu không chú ý kiểm soát chất lượng tăng trưởng tín dụng năm 2018. Doanh nghiệp cần chủ động trong việc nắm bắt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các quy định pháp luật có liên quan để nhanh nhạy trọng việc xác định giá hàng hóa, dịch vụ cũng như dự tính hợp lý để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất bao giờ cũng có yếu tố tham chiếu quyết định đó là lạm phát. Trong 3, 4 năm nay, lạm phát của Việt Nam đã duy trì ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế cao, phản ánh rõ nét về sự ổn định nền kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế Việt Nam sức cạnh tranh còn yếu nên chi phí sản xuất là yếu tố rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Lãi suất cho vay trong năm 2017 đã giảm nhưng chưa được như mong đợi do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, thị trường tiền gửi và thị trường liên ngân hàng kém liên thông. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá thấp trong khi lãi suất trên thị trường tiền gửi giảm không nhiều, do thanh khoản dồi dào trên thị trường tập trung chủ yếu ở các tổ chức tín dụng lớn. Lãi suất huy động trong năm qua không giảm vì nhu cầu vốn lớn, thị trường bất động sản đã khởi sắc nên nhiều người rút tiền để đầu tư hay đầu tư chứng khoán. Thứ hai, nợ xấu vẫn là rào cản lớn cho việc hạ lãi suất trong khi tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các tổ chức tín dụng vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực.

Đối mặt với xu hướng biến động khó lường của lãi suất cho vay, Công ty đã lên kế hoạch để chủ động trong việc duy trì cung ứng vốn đầu vào, huy động vốn từ các nguồn khác mà không lệ thuộc hoàn toàn vào việc vay ngân hàng để có thể đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới.

Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán...). Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

Rủi ro khác

Công ty có thể gặp một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như động đất, bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh... Các rủi ro này khó lường trước và đều có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh:

- Hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thương hiệu đã có vị thế nhất định trên thị trường;
- Trụ sở chính tại Thủ đô thuận tiện cho việc giao kết hợp đồng với các khách hàng có nhu cầu lớn;
- Cán bộ công nhân viên tâm huyết, giàu kinh nghiệm, quyết tâm duy trì nghề truyền thống.

Điểm yếu:

- Tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc quá nhiều vào diễn biến của thị trường bất động sản;
- Dây chuyền sản xuất đã nhiều năm, cần được cải tiến, đổi mới về công nghệ;
- Thiếu vốn đầu tư và quy mô sản xuất kinh doanh đang dần bị thu hẹp.

Cơ hội:

- Xu hướng phát triển nhanh chóng của hệ thống cơ sở hạ tầng và khu công nghiệp làm nảy sinh nhu cầu về vật liệu xây dựng ngày càng tăng cao;
- Nhu cầu về các sản phẩm vật liệu xây dựng truyền thống vẫn còn được duy trì trong vài năm tới, các sản phẩm không nung đang ngày càng có vị thế trên thị trường nếu xét về mặt dài hạn;
- Chính phủ có cơ chế khuyến khích về thuế thu nhập doanh nghiệp cho các công ty tham gia thị trường chứng khoán.

Thách thức:

- Giá cả vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang có xu hướng tăng cao;
- Các doanh nghiệp trong ngành phần lớn đều đang rơi vào tình trạng tồn kho, cung vượt cầu dẫn đến giá thành giảm và cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường cung ứng gạch ngói;
- Các doanh nghiệp nội địa gặp nhiều áp lực khi có nhiều công ty nước ngoài gia nhập và ảnh hưởng từ giá thép rẻ của Trung Quốc.



B. TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế cả nước đạt 6.81%, riêng tốc độ tăng trưởng kinh tế trong đầu năm 2018 đạt 7,38% - con số cao nhất trong vòng mười năm trở lại đây. Những số liệu trên cho thấy nền kinh tế nước ta đang trong thời kỳ phát triển. Tuy nhiên thực trạng ngành sản xuất vật liệu xây dựng trong năm vừa qua không khả quan do tình trạng tồn kho ở hầu hết tất cả các công ty cùng ngành và sự xuất hiện của các đối thủ mạnh ở cả thị trường trong và ngoài nước.

Thông qua các hoạt động đẩy mạnh dự án đầu tư đổi mới công nghệ tại xí nghiệp Mai Lâm, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã có những nỗ lực đáng kể trong việc khắc phục những khó khăn trong khâu sản xuất. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 42,76 tỷ đồng và 5,86 tỷ đồng, riêng doanh thu giảm 61,15% so với năm ngoái nhưng đã nhìn thấy dấu hiệu khả quan khi lợi nhuận của công ty đang ở ngưỡng 147,86% so với cùng kỳ năm 2016.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016

Việc tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê khoán xí nghiệp Cầu Đuống, hoàn thành thoái vốn tại Công ty cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng và Công ty cổ phần Cầu Đuống Sông Hóa đã tác động khá lớn đến kết quả kinh doanh năm vừa qua. Tổng doanh thu tại công ty (chưa hợp nhất) đạt 46,52 tỉ đồng, chỉ bằng 66,35% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ doanh thu mảng xây lắp - cơ khí giảm, sản lượng và giá bán đều giảm so với năm trước và xí nghiệp Sóc Sơn đã cho thuê khoán nên sản lượng tại xí nghiệp này gần như không có.

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2016 | TH 2017 | So cùng kỳ 2016 |
|----------|--------------------------|--------|------------|------------|-----------------|
| 1 | Xí nghiệp Mai Lâm | | | | |
| | Sản lượng QTC | Viên | 27.775.576 | 26.580.718 | 95,7% |
| | Tiêu thụ | Viên | 29.318.420 | 18.288.156 | 62,38% |
| | Doanh thu | 1.000đ | 29.934.032 | 17.880.749 | 59,73% |
| | + VLXD | | 29.540.567 | 17.489.424 | |
| | + Thuê kho + khác | | 393.464 | 391.323 | |
| 2 | Xí nghiệp Sóc Sơn | | | | |
| | Sản lượng QTC | Viên | 4.798.311 | | |

| | | | | | |
|----------|--------------------------------------|--------|-------------------|------------------|---------|
| | Tiêu thụ | Viên | 8.640.746 | | |
| | Doanh thu | | 11.323.909 | 4.511.759 | 39,8% |
| | + VLXD | | 8.542.499 | | |
| | + Thuê khoán + khác | 1.000đ | 2.781.409 | 4.511.759 | |
| 3 | Xí nghiệp vật liệu không nung | | | | |
| | Sản lượng | viên | 240.364 | 796.618 | 331,42% |
| | Doanh thu: | 1.000đ | 1.845.964 | 3.155.284 | 170,93% |
| | + Vật liệu xây dựng: | “ | 765.288 | 983.475 | 128,51% |
| | + Thuê kho + khác: | “ | 1.080.675 | 2.171.808 | 200,97% |
| 4 | Xí nghiệp Cầu Đống | | | | |
| | Doanh thu thuê khoán: | 1.000đ | 2.983.332 | 3.416.666 | 114,5% |

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu giai đoạn 2016 – 2017 tại các đơn vị của Công ty

Quan sát bảng sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu từ các đơn vị xí nghiệp trong hai năm gần nhất, có thể thấy Mai Lâm là xí nghiệp chủ chốt của công ty ở thời điểm hiện tại, đóng vai trò quan trọng trong khâu sản xuất với sản lượng lên đến 26.580.718 viên gạch/năm, vượt 3,8% so với kế hoạch đề ra. Các xí nghiệp như Sóc Sơn và Cầu Đống hiện đã được tận dụng trong việc cho thuê khoán nên không còn duy trì việc sản xuất các sản phẩm gạch ngói như trước kia.

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Chênh lệch | |
|---|----------------|----------------|------------------|----------|
| | | | Số tiền | % |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh | 69.930.921.303 | 42.764.710.223 | (27.166.211.080) | 61,15% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 97.805.170 | 3.177.770.333 | 3.079.965.163 | 3249,08% |
| Chi phí tài chính | 229.657.461 | 1.054.785.398 | 825.127.937 | 459,29% |
| Chi phí bán hàng | 1.781.993.291 | 864.432.765 | (917.560.526) | 48,51% |

| | | | | |
|--|---------------|---------------|---------------|---------|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 3.464.321.577 | 6.741.014.923 | 3.276.693.346 | 194,58% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.915.193.133 | 5.863.274.719 | 1.948.081.586 | 149,76% |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.965.363.272 | 5.863.274.719 | 1.897.911.447 | 147,86% |

So sánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2017

Nếu doanh thu hợp nhất năm 2017 của CDG đang để lại dấu ấn không mấy khả quan với tỷ lệ chỉ bằng 61,15% so với doanh thu năm 2016, thì bù lại là mức tăng lợi nhuận vượt bậc 147,86% so với cùng kỳ năm trước sau khi đã trừ đi các khoản nộp thuế thu nhập. Cũng có thể nhận thấy cơ cấu doanh thu của công ty có xu hướng tăng tỷ lệ các hoạt động cho thuê khoán, thuê tài sản cố định và cho vay lãi dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh ở mức 3.249,08% so với năm 2016, trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đem lại phần lớn doanh thu, nhưng giá trị giảm xuống 27,17 tỷ so với năm liền trước. Thực tế cho thấy điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, các xí nghiệp không được tận dụng hết năng lực sản xuất vì hàng còn tồn nhiều trong kho, cung vượt quá cầu, điều này dẫn đến việc doanh nghiệp phải tạm thời cho thuê khoán các xí nghiệp không còn hoạt động hiệu quả và thu lợi từ hoạt động tài chính này để đảm bảo có vốn xoay vòng cho hoạt động của toàn công ty. Nhận thức được khó khăn này, Ban lãnh đạo CTCP Cầu Đuống đã mạnh dạn đổi mới công nghệ - bắt đầu từ xí nghiệp Mai Lâm, với dự kiến nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm, kích cầu và nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tiếp cận thị trường mới, cải thiện kết quả kinh doanh trong giai đoạn tới.

Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 so với kế hoạch năm

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KH 2017 | TH 2017 | So KH 2017 |
|----|----------------------------|------|------------|------------|------------|
| I | Sản lượng QTC | Viên | 27.140.000 | 27.377.336 | 100,9% |
| II | Tổng DT hợp nhất (1+2+3+4) | Tr.đ | 48.751 | 46.520 | 87,7% |
| 1 | Doanh thu tại Cty | " | 48.751 | 43.845 | 89,9% |
| | VLXD | " | 22.778 | 18.472 | 81,1% |
| | Cơ khí | " | 9.019 | 8.221 | 91,2% |
| | Xây lắp | " | 5.159 | 4.576 | 88,7% |
| | Thu LD, cho thuê, khác | " | 11.795 | 11.494 | 97,4% |
| | Doanh thu khác | " | - | 1.082 | |
| 2 | Tổng DT tại Sông Hóa | " | - | 0 | |

| | | | | | |
|-----|------------------------------------|------|------------|------------|-------|
| 3 | Tổng DT tại Hải Phòng | “ | - | 0 | |
| 4 | Thoái vốn HP khi lập BCTC hợp nhất | | | 2.675 | |
| III | Tiêu thụ | Viên | 25.750.000 | 19.162.379 | 74,4% |
| IV | Nộp ngân sách | Tr.đ | 100% | 8.128 | |

So sánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với kế hoạch năm

Sản lượng năm 2017 toàn công ty nhìn chung đã đạt được kế hoạch đề ra với mức tăng nhẹ 9%, vượt chỉ tiêu 237.336 viên/năm. Tuy nhiên việc tiêu thụ chỉ đạt mức 74,4% so với kế hoạch đề ra từ năm ngoái cho thấy khó khăn của công ty trong năm nay nằm ở sự hạn chế trong việc tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm. Lượng cung ứng lớn, các doanh nghiệp trong ngành ngày càng tăng trong khi nhu cầu thị trường bị giới hạn đang gây ra sức ép không hề nhỏ cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Các hoạt động cho thuê tài chính dường như đã phát huy tác dụng trong năm vừa qua với tỷ lệ đạt 97,4% so với kỳ vọng đã đề ra từ trước, trong khi vật liệu xây dựng và xây lắp là hai mảng sản xuất – kinh doanh gặp nhiều rào cản nhất trong năm 2017. Nếu thực trạng ngành không có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2018 tới đây, có lẽ việc lựa chọn các hoạt động cho thuê khoán hay đầu tư hơn nữa cho việc gia công các sản phẩm cơ khí sẽ là hướng đi mới cần thiết cho Cầu Đống, thay vì cố gắng giữ nguyên sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng trong khi thị trường không còn quá mặn mà với dòng sản phẩm này ở thời điểm hiện tại.

2. Tổ chức và nhân sự

Giới thiệu Ban điều hành

| STT | Vị trí | Tên | Nhiệm kỳ | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần CDG |
|-----|-------------------|--------------|-------------|---------------------------|
| 1 | Tổng giám đốc | Ngô Đức Dũng | 2014 - 2019 | 0,3% |
| 2 | Phó Tổng giám đốc | Ngô Thành An | 2014 - 2019 | 2,74% |
| 3 | Phó Tổng giám đốc | Tạ Thị Thuỷ | 2014 - 2019 | 0,38% |

- ❖ **Ông Ngô Đức Dũng - Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT**
 - Số CMND: 011651340 Ngày cấp: 29/06/2006 Nơi cấp: Hà Nội
 - Ngày sinh: 17/08/1961
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ: Số 179 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu xây dựng

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|-------------------|----------------|-------------------|--------------------|
| Đại học | Vật liệu xây dựng | 1983 | 5 năm | Trường ĐH xây dựng |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|-------------------------------|--|
| 03/1984 – 12/1991 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Cán bộ kỹ thuật |
| 01/1992 – 03/1993 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Phó phòng kỹ thuật |
| 04/1993 – 02/1995 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó phòng kỹ thuật |
| 03/1995 – 12/2000 | Công ty VLXD Cầu Đống | Trưởng phòng kỹ thuật |
| 01/2001 – 12/2001 | Công ty VLXD Cầu Đống | Trưởng phòng xây lắp |
| 01/2002 – 09/2003 | Công ty VLXD Cầu Đống | Trưởng phòng xây lắp kiêm Giám đốc Trung tâm tư vấn đầu tư và xây dựng |
| 10/2003 – 01/2005 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó giám đốc công ty |
| 02/2005 – 05/2009 | Công ty CP Cầu Đống | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty |
| 06/2009 – nay | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty |
| 04/2014 - nay | Công ty CP Cầu Đống Hải Phòng | Chủ tịch HĐQT |

❖ **Ông Ngô Thành An - Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT**

- Số CMND: 001068003408 Ngày cấp: 18/05/2015 Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày sinh: 07/03/1968

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Số 514 K3 Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu xây dựng

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-----------|-------------------|----------------|-------------------|---------------------------|
| Trung cấp | Vật liệu xây dựng | 1988 | 03 năm | Trung cấp xây dựng Hà Nội |
| Đại học | Vật liệu xây dựng | 2001 | 05 năm | Đại học xây dựng Hà Nội |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---------------------------------|---|
| 05/1989 – 09/1996 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Cán bộ kỹ thuật |
| 10/1996 – 12/1998 | Cty VLXD Cầu Đống | Cán bộ kỹ thuật |
| 01/1999 – 03/2001 | Cty VLXD Cầu Đống | Phó phòng Kế hoạch vật tư |
| 04/2001 – 12/2002 | Cty VLXD Cầu Đống | Giám đốc XN xây lắp số 2 |
| 01/2003 – 06/2006 | Cty ĐTXD & SX vật liệu Cầu Đống | Giám đốc XN xây lắp số 2 |
| 07/2006 – 06/2009 | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Giám đốc XN xây lắp và cơ khí |
| 07/2009 – 03/2013 | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN xây lắp |
| 04/2013 – 02/2014 | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Cầu Đống |
| 03/2014 – 04/2014 | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Sóc Sơn |
| 05/2014 – nay | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc Trung tâm TVĐT và xây dựng |
| 04/2014 - nay | Cty CP Cầu Đống Sông Hóa | Chủ tịch HĐQT |

❖ **Bà Tạ Thị Thuý**

- Số CMND: 010604057 Ngày cấp: 26/04/2004 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 24/10/1962
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-----------|-------------------|----------------|-------------------|---------------------------|
| Trung cấp | Vật liệu xây dựng | 1983 | 03 năm | Trung cấp xây dựng Hà Nội |
| Đại học | Kinh tế lao động | 1985 | 05 năm | Đại học Công đoàn |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---------------------------------|--|
| 12/1983 – 12/1989 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Cán bộ kỹ thuật |
| 01/1990 – 07/1994 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Phó quản đốc phân xưởng gạch Mai Lâm |
| 08/1994 – 12/1997 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó quản đốc phân xưởng gạch Mai Lâm |
| 01/1998 – 12/2001 | Công ty VLXD Cầu Đống | Giám đốc XN gốm XD Mai Lâm |
| 01/2002 – 05/2006 | Cty ĐTXD & SX vật liệu Cầu Đống | Giám đốc XN gốm XD Mai Lâm |
| 06/2006 – 06/2009 | Cty CP Cầu Đống | Trưởng phòng Tổ chức hành chính |
| 07/2009 – 06/2011 | Cty CP Cầu Đống | Giám đốc XN gốm XD Cầu Đống, Giám đốc XN gốm XD Mai Lâm |
| 07/2011 – nay | Cty CP Cầu Đống | Phó Tổng giám đốc công ty |

Cơ cấu nhân sự

| STT | Phân loại lao động | Số người | Tỷ trọng |
|------------------|----------------------------|------------|-------------|
| I | Phân theo phòng ban | | |
| 1 | Khối văn phòng | 67 | 11,47% |
| 2 | Khối công nhân sản xuất | 517 | 88,53% |
| Tổng cộng | | 584 | 100% |
| II | Phân theo trình độ | | |
| 1 | Tiến sỹ | 01 | 0,17% |
| 2 | Đại học | 47 | 8,05% |
| 3 | Cao đẳng | 04 | 0,68% |
| 4 | Trung cấp | 11 | 1,88% |
| 5 | Công nhân kỹ thuật | 521 | 89,21% |
| Tổng cộng | | 584 | 100% |

Công tác đào tạo

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Công tác lương thưởng

Đối với người lao động trong Công ty, tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|--|-----------|-----------|-----------|
| Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 5.500.000 | 6.437.000 | 6.512.000 |

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Công ty có chính sách khen thưởng theo qui định trong Bộ Luật lao động, người lao động có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

3. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2016 | 2017 |
|---|--------|----------------|----------------|
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | |
| Doanh thu | VNĐ | 69.930.921.303 | 42.764.710.223 |
| Doanh thu thuần | VNĐ | 69.930.921.303 | 42.764.710.223 |
| Lợi nhuận gộp | VNĐ | 15.068.241.696 | 12.836.909.597 |
| Chi phí hoạt động | VNĐ | 2.011.650.752 | 1.919.218.163 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | VNĐ | 3.464.321.577 | 6.741.014.923 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính | VNĐ | (131.852.291) | 2.122.984.935 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác | VNĐ | 450.871.556 | (877.740.204) |
| Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết | VNĐ | | |
| Lợi nhuận trước thuế | VNĐ | 3.915.193.133 | 5.863.274.719 |
| Lợi nhuận sau thuế | VNĐ | 3.965.363.272 | 5.863.274.719 |

| Bảng cân đối kế toán | | | |
|---------------------------------------|-----|----------------|----------------|
| Tổng tài sản | VNĐ | 82.870.961.368 | 74.763.619.977 |
| Vốn điều lệ | VNĐ | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| Vốn chủ sở hữu | VNĐ | 38.563.680.891 | 44.998.094.463 |
| Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | | | |
| Thu nhập trên tổng tài sản (ROA) | % | 5,78 | 9,37 |
| Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) | % | 14,06 | 17,72 |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ: : 34.649.950.000 đồng

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Mã chứng khoán: CDG

Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.464.995 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.464.995 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cổ phiếu của cổ đông nội bộ hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Cổ phiếu của cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Cổ phiếu của cán bộ công nhân viên hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: 0 cổ phần

Cơ cấu sở hữu

| Danh mục cổ đông | Số cổ phiếu | % |
|------------------|-------------|-------|
| Cổ đông lớn | 2.087.570 | 60,25 |
| Cổ đông khác | 1.377.425 | 39,75 |

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

| Tên cổ đông | Số cổ phiếu | % | Tính đến ngày |
|---|-------------|-------|---------------|
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị | 1.478.995 | 42,68 | 11/05/2016 |
| Nguyễn Thị Phương (Vợ của ông Ngô Văn Chăm) | 429.389 | 12,39 | 11/05/2016 |
| Nguyễn Thị Liên (Vợ của ông Ngô Đức Dũng) | 179.186 | 5,17 | 11/05/2016 |

Quá trình tăng vốn điều lệ

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|-----|------------------------------------|-----------------------|---------------------------|---|---------------|
| 1 | 26/06/2006 | - | 13.000.000.000 | Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, phát hành ra công chúng | Giấy CNDKKD |
| 2 | 01/10/2009 | 2.000.000.000 | 15.000.000.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | Giấy CNDKKD |
| 3 | 26/07/2010 | 6.000.000.000 | 21.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu | Giấy CNDKKD |
| 4 | 19/09/2011 | 9.000.000.000 | 30.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu | Giấy CNDKKD |
| 5 | 05/10/2012 | 3.000.000.000 | 33.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu | Giấy CNDKKD |
| 6 | 30/12/2013 | 1.649.950.000 | 34.649.950.000 | Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty | Giấy CNDKKD |



C. BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá chung

Thuận lợi:

- Tiêu thụ năm 2016 thuận lợi là tiền đề cho năm 2017 thứ nhất về mặt bằng sản xuất, thứ hai tình hình tài chính ổn định nên chủ động trong công tác điều hành sản xuất;
- Công nghệ sản xuất mới xếp gạch mộc trực tiếp lên goòng đã giảm được lao động, nên không còn tình trạng thiếu lao động.

Khó khăn

- Cung vượt quá cầu nên công tác tiêu thụ của Công ty cũng như thị trường trong khu vực rất khó khăn, đồng thời sự cạnh tranh của các đơn vị tư nhân tại địa bàn lân cận rất khốc liệt dẫn đến khó khăn trong công tác tiêu thụ;
- Sức ép về đảm bảo môi trường trong khu vực dân cư ngày càng cao nên ngoài việc tăng chi phí còn gây áp lực trong vấn đề điều hành sản xuất;
- Nguồn nguyên liệu chủ yếu vẫn là nguồn gốc đất khai thác công trình nên chất lượng không ổn định;
- Tiền thuê đất cao, chi phí bảo hiểm tăng đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Thực hiện kế hoạch sản lượng sản xuất VLXD

- Tổng doanh thu tại công ty (chưa hợp nhất) đạt 46,52 tỉ đồng bằng 66,35% so với năm 2016;
- Doanh thu giảm do doanh thu xây lắp, cơ khí giảm, sản lượng và giá bán giảm, đồng thời giảm sản lượng tại xí nghiệp Sóc Sơn (do cho thuê khoán).

► Sản xuất vật liệu xây dựng

Doanh thu vật liệu không nung đạt 983 triệu đồng, bằng 128,5% so cùng kỳ năm 2016 và 46,8% so với KH.

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):

+ Dừng lò 1,5 tháng từ đầu năm đến giữa tháng 2 hoạt động trở lại. Thi công đường ray, xe goòng đến cuối tháng 3 mới hoàn thiện.

+ Thực hiện sản xuất 23.327.064 viên, tương ứng 26.580.718 viên QTC bằng 103,8% so kế hoạch và 95,69% cùng kỳ, trong đó tăng cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói lên gần 9%. Lượng tiêu thụ toàn công ty chỉ bằng 76,5% lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho tăng từ 1,2 tr viên năm 2016 lên 5,672 triệu viên năm 2017.

- Vật liệu xây dựng không nung:

+ Đối với gạch không nung: Sản lượng 796.618 viên QTC bằng 35,5% so với kế hoạch, tiêu thụ 846.468 viên, lượng tồn kho cuối năm trên 1,2 triệu viên.

+ Đối với ngói màu: Đã liên doanh với Công ty Bình Minh để sản xuất ngói màu không sơn, 6 tháng đầu năm sản xuất ngói mộc được 43.546 viên. Sản phẩm cũ xuất được 27.755 viên, tồn kho 83.466 viên.

► **Cơ khí, xây lắp**

- Cơ khí tiếp tục nhận được nhiều công trình cung cấp thiết bị cho lò tuynel, doanh thu đạt 8,82 tỷ đồng, bằng 63,4% so với cùng kỳ.

- Xây lắp đã tiếp tục nhận được một số công trình thi công mới và sửa chữa cải tạo lò tuynel theo công nghệ mới. Doanh thu năm 2017 đạt 4,576 tỷ đồng bằng 46,7% so với cùng kỳ.

► **Cho thuê khoán, liên doanh hợp tác**

Doanh thu từ hoạt động cho thuê và liên doanh đạt 11,494 tỷ đồng. Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt. Tuy nhiên trong thời gian cuối năm việc thanh toán của các đơn vị sản xuất gạch có xu hướng chậm trả do tình hình sản xuất khó khăn.

- Xí nghiệp Cầu Đống đã tổ chức thực hiện đấu thầu và cho thuê khoán nối tiếp ngay sau khi Hợp đồng trước hết hiệu lực. Nhà thầu Công ty CP VLXD Cầu Đống tiếp tục trúng thầu thuê khoán từ tháng 3 năm 2017 với giá thuê khoán trước thuế là 3,5 tỷ đồng/năm, thời gian thuê là 3 năm. Với kết quả này công ty không mất thời gian và chi phí bàn giao, đồng thời tăng được giá trị 500 triệu/năm so với hợp đồng trước.

- Đối với dây chuyền ngói màu không nung sau khi ký hợp đồng liên doanh công tác quản lý gặp nhiều khó khăn nên Công ty đã chuyển sang hình thức cho thuê dây chuyền và mặt bằng sản xuất. Tuy nhiên đơn vị thuê chậm thanh toán các khoản tiền thuê và chưa thanh toán hết tiền bán thành phẩm sản xuất từ đầu năm 2017.

c. Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh

☀️ Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:

Kết quả Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí than điện khá cao, trong đó riêng xí nghiệp Mai Lâm chi phí tiết kiệm được gần 300 tấn than và gần 46.000kw điện so với định mức.

- Thời gian đầu mới đưa công nghệ xếp trực tiếp vào hoạt động chất lượng thấp, 6 tháng cuối năm điều chỉnh ổn định công nghệ chất lượng nâng lên rõ rệt. Nhìn chung công tác chất lượng vẫn duy trì ổn định, việc phân loại sản phẩm được thực hiện nghiêm túc, giữ được uy tín của công ty. Không có việc khiếu kiện của khách hàng đến Công ty.
- Tiếp tục duy trì sử dụng than xít để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền nghiền sa mốt vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Cung cấp nguyên liệu đất ổn định hơn, lượng dự trữ tăng nên chủ động trong sản xuất. Tỷ lệ phẩm cấp tăng và tiêu hao vật tư tiết kiệm hơn so với định mức.
- Quản lý máy móc thiết bị: Do việc mới đầu tư thêm dây chuyền và cải tạo lại hệ thống thiết bị khi dừng lò nên dây chuyền hoạt động khá ổn định, công tác bảo dưỡng được chủ động thực hiện và sửa chữa kịp thời. Việc lắp biển tần điều chỉnh tốc độ máy cấp liệu đất, than và sa mốt đã phần nào chủ động được trong khâu pha trộn và năng suất ca máy. Sử dụng hiệu quả biển tần của hệ thống quạt để dàng điều chỉnh chế độ nung đốt dẫn đến tiết kiệm điện và than trong khâu nung đốt.

☀️ Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

Để khắc phục khó khăn về tiêu thụ sản phẩm, Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, trong năm ký được một số hợp đồng có hiệu quả cao như gạch đặc không trát và gạch đặc xuất Nhật Bản; giá cả điều chỉnh linh hoạt theo thị trường, càng về cuối năm càng có xu hướng giảm..
- Chú trọng phát triển thêm đại lý và điều chỉnh cơ chế chính sách về giá, chiết khấu nhằm tăng cường tiêu thụ các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao. Đã có biện pháp điều chỉnh chủng loại sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường như sản xuất các loại sản phẩm bán xô (gạch 2 lỗ, gạch đặc) nhằm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm đưa vào công trình.

☀️ Tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổ chức:

Ngay từ đầu năm 2017, Ban lãnh đạo Công ty đã tiếp tục tiến hành rà soát sắp xếp lại lao động, tinh giảm bộ máy quản lý toàn Công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu cán bộ văn phòng phải kiêm nhiệm thêm công việc dưới XN để tiết giảm chi phí.

Cụ thể, tháng 7 năm 2017 tiến hành điều chỉnh lại nhân sự khối văn phòng và hành chính Xí nghiệp Mai Lâm, XN Không nung, tiết giảm được 03 lao động gián tiếp. Phân công lại chức năng, nhiệm vụ

của từng cá nhân trên cơ sở kiêm nhiệm thêm công việc và hạn chế các khâu trung gian để tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả công tác điều hành.

- Lao động, việc làm:

+ Nhờ việc đầu tư, áp dụng công nghệ xếp thẳng vào sản xuất nên Xí nghiệp Mai Lâm đã không còn tình trạng thiếu hụt lao động, năm 2017 số lao động trực tiếp giảm từ 115 người năm 2016 xuống còn 83 người.

+ Tại XN Không Nung việc sản xuất chưa được ổn định nhưng công ty đã cố gắng thu xếp cho người lao động sang XN Mai Lâm làm để đảm bảo thu nhập.

+ Năm 2017 công ty đã đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, không có người bị mất việc làm.

- Tiền lương:

+ Năm 2017, công ty áp dụng việc trả lương theo thang bảng lương doanh nghiệp, với mức lương cơ sở vùng 1 là 3.750.000 đồng. công ty đã xây dựng lại thang bảng lương và cải tiến phương pháp trả lương phù hợp hơn với từng bộ phận trực tiếp, gián tiếp trên cơ sở gắn với từng công việc cụ thể.

+ Năm 2017 do cân đối được sản phẩm sản xuất hợp lý, bố trí lao động thích hợp nên thu nhập bình quân toàn công ty cả năm đạt 6,508 triệu đồng/người bằng 118,3% so với kế hoạch và bằng 101,1% so với cùng kỳ.

Công tác tài chính:

- Do thuận lợi về tình hình tài chính nên mặc dù tiêu thụ chậm nhưng Công ty vẫn thanh toán đầy đủ đúng hạn các hợp đồng mua bán vật tư, nguyên vật liệu với khách hàng. Đồng thời phần tài chính dôi dư khoảng 4 tỷ gửi Ngân hàng nhằm tăng thêm nguồn thu.

- Duy trì các quy định quản lý Công ty về vật tư, kho bãi nên nhìn chung hạn chế tiêu cực trong những lĩnh vực nhạy cảm như mua bán vật tư hoặc thất thoát hàng hóa.

Giải quyết hồ sơ đất đai:

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị tư vấn giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai. Các việc đã giải quyết đến nay như sau:

- Khu đất XN Mai Lâm, XN Không nung tại xã Dục Tú: Đã xác định và thống nhất xong giữa Sở Tài Nguyên & MT Hà nội, UB huyện Đông Anh, xã Dục Tú và Công ty về mốc giới, lối đi chung... Hiện tại, Sở Tài nguyên & Môi trường đang làm báo cáo xác định diện tích và vị trí tính tiền thuê để trình UB Thành phố ra quyết định.

- Hồ sơ đất của XN Cầu Đống và Sóc Sơn do đơn vị tư vấn không thực hiện được nên Công ty đang tích cực tự thực hiện, đến nay Cục thuế Hà Nội vẫn đang tạm tính tiền thuế đất cho công ty.

Hiện tại, cùng trong quá trình xin ký lại hợp đồng thuê đất mới. Sở Tài nguyên đang lập hồ sơ xem xét xác định đơn giá thuê đất mới, Sở đã lập hồ sơ để báo cáo Thành phố. Riêng đối với XN Cầu Đống do khu đất nằm ở ngoài đê nên Công ty đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ với Sở Tài nguyên & Môi trường để giảm tiền thuế đất.

☀ Công tác thoái vốn tại các công ty thành viên:

- Tại Công ty Cổ phần Cầu Đống Sông Hóa: Đã tiến hành chào giá bán cổ phần, kết quả chào giá đã chọn được đối tác và tiến hành ký hợp đồng thực hiện.
- Tại Công ty Cổ phần Cầu Đống Hải Phòng: Đã bán xong cổ phần của Công ty từ tháng 4 năm 2017 và đã thu đủ tiền theo Hợp đồng.

d. Kết quả kinh doanh

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2016 | 2017 |
|---|--------|----------------|----------------|
| Doanh thu | VNĐ | 69.930.921.303 | 42.764.710.223 |
| Doanh thu thuần | VNĐ | 69.930.921.303 | 42.764.710.223 |
| Lợi nhuận gộp | VNĐ | 15.068.241.696 | 12.836.909.597 |
| Chi phí hoạt động | VNĐ | 2.011.650.752 | 1.919.218.163 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | VNĐ | 3.464.321.577 | 6.741.014.923 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính | VNĐ | (131.852.291) | 2.122.984.935 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác | VNĐ | 450.871.556 | (877.740.204) |
| Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết | VNĐ | | |
| Lợi nhuận trước thuế | VNĐ | 3.915.193.133 | 5.863.274.719 |
| Lợi nhuận sau thuế | VNĐ | 3.965.363.272 | 5.863.274.719 |

2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2018

a. Dự báo tình hình

- Dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 sẽ tiếp tục khó khăn do cung lớn hơn cầu, đặc biệt sẽ vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt của những đơn vị tư nhân trong khu vực sẵn sàng bán giá thấp để duy trì hoạt động.
- Chi phí sản xuất khả năng tiếp tục tăng như chi phí về môi trường, bảo hiểm xã hội...

b. Kế hoạch Đầu tư - sản xuất kinh doanh năm 2018

Mục tiêu: duy trì ổn định sản xuất, phấn đấu sản xuất kinh doanh có lãi và cắt lỗ tại XN không nung.

- Doanh thu: 45,695 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu VLXD: 25,443 tỷ đồng
 - + Doanh thu Xây lắp, Cơ khí: 10 tỷ đồng.
 - + Doanh thu từ cho thuê khoán, tiền gửi: 10,251 triệu đồng
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến toàn Công ty lãi : 5,552 tỷ đồng.

Các biện pháp chủ yếu:

- Công tác đầu tư: tiếp tục đầu tư hoàn thiện công nghệ tại Xí nghiệp Mai Lâm, đầu tư thêm 30 xe goòng và đường ray đồng bộ.
- Sản xuất: Xí nghiệp Mai Lâm tắt lò 1 tháng do tiêu thụ chậm. Dừng sản xuất vật liệu xây dựng không nung do chi phí sản xuất cao, không cạnh tranh được với thị trường nên nhiều năm thua lỗ.
- Tiêu thụ sản phẩm tồn kho.
- Cung cấp nguyên liệu: đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đất ổn định để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất tại các xí nghiệp. Duy trì nguồn nguyên liệu than nhiệt thấp hơn trước có giá thành rẻ để bổ xung cho nguồn sa mốt hiện có. Tìm nguồn nguyên liệu giá rẻ thay thế đất đồng thời phù hợp với công nghệ mới như cát non, gạch vỡ.
- Công tác kỹ thuật, quản lý máy móc thiết bị, an toàn: Phát huy hiệu quả dự án đầu tư tại XN Mai Lâm, tổ chức nghiên cứu, thăm quan học hỏi để nâng cao hiệu quả công nghệ mới. Nâng cao chất lượng sản phẩm giá trị cao về hình thức mẫu mã, chi tiêu cơ lý, nghiên cứu tăng năng lực sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ cấp hàng khi có hợp đồng. Phấn đấu giảm tỷ lệ phế phẩm và tiêu hao vật tư thấp hơn định mức, giữ vững uy tín về chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng SP, duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị ổn định phục vụ cho sản xuất.
- Các đơn vị bên ngoài: Hoàn thành việc thoái vốn.



D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty trong năm 2017

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

❖ Kết quả hợp nhất:

- Doanh thu hợp nhất (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác): 46,520 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Cty CP Cầu Đống: 7,387 tỷ đồng.
- Cổ tức năm 2017: Bắt đầu có lãi 438 triệu đồng.

❖ Kết quả riêng tại Công ty CP Cầu Đống:

- Doanh thu (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác) là: 43,845 tỷ đồng đạt 89,9% kế hoạch, bằng 62,54% so với năm 2016.
- SP sản xuất quy TC: 27.377.366 triệu viên đạt 100,9 % KH, bằng 83,43 % so với năm 2016.
- Nộp ngân sách: 8,128 tỷ đồng đạt 100% theo quy định, bằng 72,6% so với năm 2016.
- Thu nhập bình quân: 6,512 triệu đồng/người/tháng, bằng 101,2 % so với năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế lãi 6,187 tỷ đồng.

b. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2017

Năm 2017 HĐQT họp 06 phiên với các nội dung:

- Tổng hợp phân tích kết quả SXKD năm 2016, xây dựng phương hướng SXKD năm 2017.
- Kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác nhân sự. Triển khai trả lương của cán bộ quản lý theo kết quả SXKD để tăng tính tích cực, chủ động của cán bộ trong điều hành.
- Hoàn thành việc đầu tư công nghệ xếp thẳng bán thành phẩm lên xe gòng tại XN Mai Lâm với số vốn đầu tư 4,3 tỷ đồng.
- Hoàn thành việc ký Hợp đồng cho thuê khoán Xí nghiệp gồm XD Cầu Đống lần 2 với thời gian cho thuê 03 năm, từ ngày 01/3/2017 và kết thúc vào 29/02/2020.
- Thanh lý máy xa luân tại XN Sóc Sơn.
- Tiến hành Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tại công ty Cầu Đống theo đúng kế hoạch.
- Bổ sung ngành nghề gia công cơ khí tại XN VLXD Không Nung để tận dụng mặt bằng.

- Triển khai cho thuê khoán diện tích và thiết bị sản xuất gạch Không Nung để giảm lỗ.
- Triển khai các công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty.
- Định hướng Đại hội cổ đông tại các công ty CP Cầu Đống Hải Phòng và Cầu Đống Sông Hóa.
- Thay người đại diện vốn tại công ty CP Cầu Đống Sông Hóa
- Hoàn thành thoái vốn tại các công ty CP Cầu Đống Hải Phòng và Cầu Đống Sông Hóa.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I, II, III, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018.
- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

2. Báo cáo tự đánh giá của HĐQT

a. Kiểm điểm hoạt động của HĐQT

Năm 2017 HĐQT đã triển khai nghị quyết của Đại hội cổ đông, triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ tại xí nghiệp Mai Lâm, sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với sản xuất kinh doanh, tổ chức đấu thầu gia hạn hợp đồng thuê khoán tại XN Cầu Đống... Kết quả SXKD hợp nhất công ty đã có lãi, đã bù được lỗ lũy kế của những năm trước sau khi hoàn dự phòng khi hợp nhất lãi. Căn cứ vào kết quả SXKD 2017 và sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển hoàn lợi nhuận sau thuế. HĐQT công ty đề xuất chia cổ tức năm 2017 là 5%.

b. Đánh giá các mặt chưa làm được

- Đã triển khai đầu tư đổi mới CN tại xí nghiệp Mai lâm mặc dù đã có sự chuẩn bị nhưng việc làm chủ được công nghệ sản xuất, vận hành lò nung, tổ chức sắp xếp lại sản xuất còn chậm, thiếu xe gòng... nên tỷ lệ xếp thẳng thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, làm giảm hiệu quả đầu tư.
- Xí nghiệp sản xuất Vật liệu Không nung : Đã tổ chức lại sản xuất và liên doanh với công ty Bình Minh để sản xuất ngói màu nhưng đến nay các sản phẩm không nung tiêu thụ rất chậm doanh thu 2017 đạt : 983 triệu đồng, lỗ 656 triệu đồng.
- Đã hoàn thành thoái vốn xong tại công ty Cầu Đống Hải Phòng nhưng việc bàn giao chưa hoàn thành.
- Kết quả SXKD 2017 sau thoái vốn công ty CP Cầu Đống Hải Phòng lỗ: 342 triệu đồng.
- Đã hoàn thành thoái vốn tại công ty CĐ – Sông Hóa. Những người đại diện phần vốn đang làm các thủ tục bàn giao cho cổ đông mới.
- Việc triển khai làm hồ sơ thủ tục thuê đất chưa hoàn thành theo kế hoạch của đại hội cổ đông và HĐQT công ty.

- Chưa tận dụng tối đa mặt bằng tại xí nghiệp Mai Lâm cho thuê tăng thêm nguồn thu cho công ty.

3. Định hướng năm 2018

a. Mục tiêu cụ thể

- Doanh thu riêng tại Công ty CP Cầu Đống: 45,695 tỷ đồng bằng 104,22% năm 2017.
- SP quy đổi TC : 24 triệu viên bằng 117,38% năm 2017.
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định .
- Thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng bằng 85% năm 2017.
- Lợi nhuận: 5,552 tỷ đồng.

b. Định hướng sản xuất kinh doanh

- Công ty khẩn trương hoàn thành các thủ tục hồ sơ đất đai để ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong toàn công ty trong năm 2018.
- Hoàn thiện công nghệ tại xí nghiệp Mai Lâm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại sản phẩm chất lượng tính cạnh tranh cao, hiệu quả để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.
- Xí nghiệp vật liệu Không Nung triển khai nghị quyết HĐQT ngày 29/03/2018 theo phương án cho thuê khoán điều hành để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Kể cả phương án thanh lý thiết bị sản xuất gạch, ngói không nung.
- Các mặt bằng nhà xưởng khác TGD và bộ máy xem xét lại đơn giá cho thuê và tìm thêm các đối tác để tăng các khoản thu cho công ty theo nội dung NQ HĐQT ngày 29/03/2018.
- Có giải pháp đầu tư tài chính để mang lại hiệu quả từ nguồn vốn hiện có tại công ty.
- Nếu sản xuất kinh doanh tại xí nghiệp Mai Lâm không đạt kế hoạch lợi nhuận thì sẽ chuyển phương án cho thuê khoán để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Bàn giao dứt điểm tại công ty CP Cầu Đống Hải Phòng, công ty CP Cầu Đống Sông Hóa,
- Công ty cổ phần Cầu Đống Bắc Kạn cố gắng hoàn thành việc thoái vốn trong 2018.

c. Một số giải pháp cần thực hiện năm 2018

- Năm 2018 là năm cuối của nhiệm kỳ HĐQT 2014-2019 đề nghị HĐQT, Tgđ và bộ máy quản lý tập trung quyết liệt hoàn thành các nhiệm vụ sau :
- Tổng giám đốc và bộ máy phải hoàn thành hồ sơ đất đai của công ty cổ phần Cầu Đống.
- Trong quá trình SXKD làm rõ hiệu quả SXKD của từng bộ phận để kịp thời khắc phục trong điều hành hoạt động SXKD.
- Có kế hoạch truyền thông, củng cố việc quản lý Web quảng bá hình ảnh công ty để gia tăng giá trị cổ phiếu, phấn đấu đến 2019 cổ phiếu công ty niêm yết trên sàn chứng khoán HNX.





E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Giới thiệu Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|----------------|---|
| 1 | Hoàng Văn Tiến | Chủ tịch HĐQT – Thành viên HĐQT không điều hành |
| 2 | Ngô Đức Dũng | Thành viên HĐQT điều hành – Tổng Giám đốc |
| 3 | Ngô Văn Chăm | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 4 | Ngô Thành An | Thành viên HĐQT điều hành – Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Vũ Đình Trường | Thành viên HĐQT không điều hành |

❖ Ông Hoàng Văn Tiến - Chủ tịch HĐQT

- Số CMND: 001060002348 Ngày cấp: 31/10/2014 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 15/08/1960
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 244 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|---------------------|----------------|-------------------|----------------------------|
| Kỹ sư | Vật liệu xây dựng | 1984 | 5 năm | Trường ĐH xây dựng |
| Cử nhân | Quản trị kinh doanh | 2001 | 3 năm | Trường ĐH Kinh tế quốc dân |
| Thạc sỹ | Kỹ thuật vật liệu | 2006 | 3 năm | Trường ĐH xây dựng |
| Tiến sỹ | Kỹ thuật vật liệu | 2016 | 4 năm | Trường ĐH xây dựng |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------|--|----------------------|
| 1985 – 1988 | Nhà máy gạch silicat Lĩnh Nam | Cán bộ kỹ thuật |
| 1988 – 1996 | Nhà máy sản xuất VLXD | Phó phòng KH – KT |
| 1996 – 1997 | Công ty xây dựng và sản xuất VLXD | Quản đốc phân xưởng |
| 1997 – 2002 | Công ty xây dựng và sản xuất VLXD | Phó Giám đốc công ty |
| 2003 – 2007 | Công ty bê tông và XD Thịnh Liệt | Phó Tổng giám đốc |
| 2007 – 2014 | Công ty CP ĐTXD và bê tông Vĩnh Tuy | Tổng giám đốc |
| 2014 – nay | Tổng công ty ĐTPPT hạ tầng đô thị (UDIC) | Phó phòng KTCN |
| | Công ty CP ĐTXD và bê tông Vĩnh Tuy | Chủ tịch HĐQT |
| | Công ty Cổ phần Cầu Đống | Chủ tịch HĐQT |

- ❖ **Ông Ngô Đức Dũng - Thành viên HĐQT** : thông tin đã được cung cấp ở phần giới thiệu Ban điều hành.
- ❖ **Ông Vũ Đình Trường - Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Số CMND: 013636650 Ngày cấp: 18/05/2013 Nơi cấp: Hà Nội
 - Ngày sinh: 27/07/1986
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ: Số 404 M2, Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|-------------------------------------|----------------|-------------------|------------------------------|
| Kỹ sư | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 2009 | 10/2004 – 01/2009 | Đại học xây dựng |
| Thạc sỹ | Quản trị kinh doanh | 2013 | 12/2011 – 12/2013 | Đại học ngoại thương |
| CEO | Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý | 2013 | 8/2013 – 12/2013 | Viện quản trị kinh doanh FSB |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------|---|--------------------------------|
| 2009 – 2013 | Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị (UDIC) | Cán bộ phòng Kế hoạch tổng hợp |
| 2013 – nay | Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị (UDIC) | Phó phòng Kế hoạch tổng hợp |
| 4/2014 - nay | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT |

❖ **Ông Ngô Văn Chăm - Thành viên HĐQT**

- Số CMND: 011348748 Ngày cấp: 14/09/2010 Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày sinh: 28/02/1959

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Số 493 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: trên Đại học

- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|---------------------|----------------|-------------------|----------------------------|
| Đại học | Quản trị kinh doanh | 1982 | 4 năm | Trường ĐH kinh tế quốc dân |
| Thạc sỹ | Quản trị kinh doanh | 2006 | 1,5 năm | Trường ĐH quốc gia Hà Nội |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|--|-------------------------|
| 4/1983 – 8/1986 | Công ty VLXD Cầu Đống | Cán bộ |
| 9/1986 – 7/1988 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó phòng vật tư |
| 8/1988 – 12/1991 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó quản đốc PX Cơ điện |
| 01/1992 – 9/1994 | Công ty VLXD Cầu Đống | Trưởng phòng Kế hoạch |
| 10/1994 – 3/1995 | Công ty VLXD Cầu Đống | Quản đốc PX Mai Lâm |
| 4/1995 – 02/1996 | Công ty VLXD Cầu Đống | Phó giám đốc công ty |
| 3/1996 – 9/2004 | Công ty ĐTXD và sản xuất vật liệu Cầu Đống | Giám đốc công ty |

| | | |
|------------------|---|-------------------|
| 10/2004 – 4/2009 | Tổng Công ty ĐTPT hạ tầng đô thị (UDIC) | Phó tổng giám đốc |
| 5/2009 – 4/2014 | Công ty CP Cầu Đống | Chủ tịch HĐQT |
| 4/2014 – nay | Công ty CP Cầu Đống | Thành viên HĐQT |

- ✚ Ông Ngô Thành An - Thành viên HĐQT: thông tin đã được cung cấp ở phần giới thiệu Ban điều hành.

2. Ban kiểm soát

Giới thiệu Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|-----------------|----------------|
| 1 | Nguyễn Đức Tuấn | Trưởng BKS |
| 2 | Phạm Thị Thêm | Thành viên BKS |
| 3 | Đào Thị Hiệp | Thành viên BKS |

✚ Ông Nguyễn Đức Tuấn - Trưởng BKS

- Số CMND: 011582518 Ngày cấp: 16/03/2013 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 10/11/1972
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Tổ Ái Mộ, xã Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-------------------|---------------------|----------------|-------------------|---------------------------------|
| Cử nhân | Quản trị kinh doanh | 1999 | 5 năm | Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội |
| Cử nhân ngoại ngữ | Tiếng Anh | 2001 | 4 năm | Viện Đại học mở Hà Nội |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---------------------------------|
| 12/1990 - 12/1997 | Cty cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước (COMA) | Công nhân cơ khí |
| 01/1998 – 7/1999 | Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội | Đi học |
| 8/1999 – 12/2001 | Cty VLXD Cầu Đống | Công nhân kỹ thuật |
| 01/2002 - 12/2003 | Cty ĐTXD & SX vật liệu Cầu Đống | Phó giám đốc XN Kinh doanh VLXD |
| 01/2004 – 6/2006 | Cty ĐTXD & SX vật liệu Cầu Đống | Giám đốc XN kinh doanh VLXD |
| 7/2006 – 7/2009 | Cty CP Cầu Đống | Trưởng phòng Kế hoạch |
| 8/2009 – nay | Cty CP Cầu Đống Hải Phòng | Giám đốc công ty |
| 7/2016 – nay | Cty CP Cầu Đống | Giám đốc XN không nung, |
| 4/2014 - nay | Cty CP Cầu Đống | Trưởng Ban kiểm soát |

❖ **Bà Phạm Thị Thêm - Thành viên BKS**

- Số CMND: 011720218 Ngày cấp: 06/08/2002 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 28/04/1960
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 6 ngõ 235, Hà Huy Tập, TT Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------------|--------------|----------------|-------------------|--|
| Trung cấp | Kế toán | 1981 | 9/1978 – 6/1981 | Trường Trung học tài chính thống kê Hà Nội |
| Cử nhân | Kế toán | 2001 | 9/1996 – 4/2001 | Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội |
| Kế toán trưởng | Kế toán | 1999 | 6/1999 – 10/1999 | Trường Đại học kinh tế quốc dân |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|------------------------------|--|
| 8/1982 – 12/1989 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Nhân viên thống kê phân xưởng, nhân viên kế toán |
| 01/1990 – 12/1998 | Cty ĐTXD & SXVL Cầu Đống | Phó phòng Kế toán |
| 01/1999 – 12/2001 | Cty ĐTXD & SXVL Cầu Đống | Trưởng phòng Kế toán |
| 01/2002 – 5/2006 | Cty ĐTXD & SXVL Cầu Đống | Kế toán trưởng |
| 6/2006 – 4/2014 | Cty CP Cầu Đống | Kế toán trưởng, thành viên BKS |
| 4/2014 – nay | Cty CP Cầu Đống | Thành viên BKS |

❖ **Bà Đào Thị Hiệp - Thành viên BKS**

- Số CMND: 011464794 Ngày cấp: 02/04/2006 Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày sinh: 31/01/1970

- Giới tính: Nữ

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|----------|------------------|----------------|-------------------|----------------------------------|
| Đại học | Kinh tế lao động | 1997 | 4 năm | Đại học Công đoàn |
| Đại học | Kế toán | 2006 | 4 năm | Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội |

- Quá trình công tác:

| Giai đoạn | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|------------------------------|--------------------|
| 01/1988 – 4/1991 | Xí nghiệp may 875 | Công nhân |
| 5/1991 – 3/1993 | Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống | Nhân viên thống kê |
| 4/1993 – 12/2001 | Cty VLXD Cầu Đống | Nhân viên thống kê |
| 01/2002 – 6/2006 | Cty ĐTXD & SXVL Cầu Đống | Nhân viên thống kê |

| | | |
|-----------------|-----------------|-------------------------|
| 7/2006 – 6/2009 | Cty CP Cầu Đống | Nhân viên thống kê |
| 7/2009 – 6/2014 | Cty CP Cầu Đống | Phó giám đốc XN Mai Lâm |
| 4/2014 – nay | Cty CP Cầu Đống | Thành viên BKS |





F. BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan

Phát triển và mở rộng các khu công nghiệp đang là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhưng vấn đề quan trọng là làm sao giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của người dân, kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép. Chính bởi vậy, một trong những yếu tố quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững là mở rộng sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin trên thị trường, hướng tới sự phát triển mang tính bền vững cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình dự kiến năm 2018

a. Về môi trường

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh dựa trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường, Công ty hướng tới mục tiêu cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định về môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tin tưởng phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

Công tác bảo vệ môi trường đã được Công ty lên kế hoạch và dự kiến thực hiện tốt trong năm 2018 để không xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.



b. Về xã hội

Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% cán bộ nhân viên của công ty làm việc tại nhà máy, các kho.

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

+ Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy, xí nghiệp xanh - sạch - đẹp.

+ Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017 ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Ngày kiểm toán viên ký xác nhận báo cáo tài chính: 10/04/2018

Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

| | |
|---|-------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC _____ | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP _____ | 4-5 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất _____ | 6-7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất _____ | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất _____ | 9-10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT _____ | 11-41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuông (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|--------------------|------------|
| Ông Hoàng Văn Tiến | Chủ tịch |
| Ông Ngô Đức Dũng | Thành viên |
| Ông Vũ Đình Trường | Thành viên |
| Ông Ngô Văn Chăm | Thành viên |
| Ông Ngô Thành An | Thành viên |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|------------------|-------------------|
| Ông Ngô Đức Dũng | Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Thành An | Phó Tổng giám đốc |
| Bà Tạ Thị Thủy | Phó Tổng giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐƯỜNG *Ngô Đức Dũng*



Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

28-
TY
HỮU
ĐINH
NAM
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2017 của Công ty CP Cầu Đuống Sông Hóa là Công ty con của Công ty CP Cầu Đuống chưa được kiểm toán và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017 của công ty là 8.611.666.701 đồng (31/12/2016 là 9.240.878.375 đồng). Chúng tôi không được tiếp cận đầy đủ các thông tin tài chính và Ban lãnh đạo của Công ty nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến số liệu tài chính của công ty trên tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn đang được Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ tài liệu và Báo cáo tài chính năm 2017 để xác định tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn cũng như không có cơ sở để xem xét việc hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2015-034-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 47.222.109.889 | 40.754.975.210 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1. | 3.120.728.295 | 5.927.739.928 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.123.190.378 | 1.927.739.928 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.997.537.917 | 4.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2. | 5.080.642.963 | 4.024.683.544 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 5.080.642.963 | 4.024.683.544 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 18.615.429.457 | 10.954.107.207 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3. | 9.941.403.510 | 8.698.046.260 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4. | 179.768.404 | 417.592.688 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5. | 2.797.404 | 9.216.200 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6. | 8.662.072.577 | 2.384.262.329 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (170.612.438) | (555.010.270) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 19.787.842.970 | 19.249.561.469 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8. | 20.535.378.401 | 20.299.168.026 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (747.535.431) | (1.049.606.557) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 617.466.204 | 598.883.062 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.13. | 13.190.001 | 30.856.001 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 17.055.260 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16. | 518.124.643 | 498.930.761 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 69.096.300 | 69.096.300 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 27.541.510.088 | 42.115.986.158 |
| II. Tài sản cố định | 220 | V.12. | 23.741.547.153 | 36.888.360.466 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 23.741.547.153 | 29.374.949.811 |
| - Nguyên giá | 222 | | 82.362.236.015 | 88.574.962.188 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (58.620.688.862) | (59.200.012.377) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | 7.513.410.655 |
| - Nguyên giá | 228 | | - | 9.160.428.652 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | (1.647.017.997) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.11. | 2.656.363.636 | 2.656.363.636 |
| - Nguyên giá | 231 | | 2.656.363.636 | 2.656.363.636 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 897.707.143 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9. | - | 897.707.143 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2. | 230.000.000 | 240.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 230.000.000 | 240.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 913.599.299 | 1.433.554.913 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13. | 913.599.299 | 1.433.554.913 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 74.763.619.977 | 82.870.961.368 |

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 29.765.525.514 | 44.307.280.477 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.723.173.304 | 43.391.121.422 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14. | 2.192.696.771 | 13.036.446.700 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15. | 536.557.953 | 30.915.106 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16. | 1.977.497.327 | 5.822.355.541 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.254.973.417 | 1.943.083.042 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17. | 107.796.723 | 143.818.381 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18. | 16.286.810.253 | 13.701.031.944 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20. | 7.421.599.300 | 8.770.649.148 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | (54.758.440) | (57.178.440) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 42.352.210 | 916.159.055 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.19. | 9.429.909 | 27.000.127 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20. | 2.800.000 | 2.800.000 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 30.122.301 | 886.358.928 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 44.998.094.463 | 38.563.680.891 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21. | 44.798.094.463 | 38.363.680.891 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 34.649.950.000 | 34.649.950.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 769.975.000 | 769.975.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (840.000) | (840.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 10.353.131.528 | 10.353.131.528 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.155.437.702) | (8.542.774.783) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (8.542.774.783) | (13.461.076.079) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 7.387.337.081 | 4.918.301.296 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 181.315.637 | 1.134.239.146 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 200.000.000 | 200.000.000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 200.000.000 | 200.000.000 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 74.763.619.977 | 82.870.961.368 |

Người lập biểu

Chủ Đình Dũng

Kế toán trưởng

Chủ Đình Dũng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Dũng

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|----------------|
| | | | Năm 2017 | Năm 2016 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1. | 42.764.710.223 | 69.930.921.303 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 42.764.710.223 | 69.930.921.303 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2. | 29.927.800.626 | 54.862.679.607 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 12.836.909.597 | 15.068.241.696 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3. | 3.177.770.333 | 97.805.170 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4. | 1.054.785.398 | 229.657.461 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 167.288.929 | 228.635.277 |
| 8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | | |
| 9. Chi phí bán hàng | 24 | VI.7. | 864.432.765 | 1.781.993.291 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.7. | 7.354.446.844 | 9.690.074.537 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 6.741.014.923 | 3.464.321.577 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.5. | 578.146.798 | 1.495.244.603 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.6. | 1.455.887.002 | 1.044.373.047 |
| 14. Lợi nhuận khác (40= 31-32) | 40 | | (877.740.204) | 450.871.556 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 5.863.274.719 | 3.915.193.133 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9. | - | (50.170.139) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 5.863.274.719 | 3.965.363.272 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | | | 7.387.337.081 | 4.918.301.296 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | (1.524.062.362) | (952.938.024) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10. | 2.132 | 1.419 |

Người lập biểu

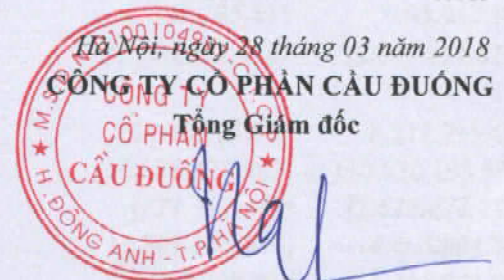
Kế toán trưởng

U Duy

U Duy

Chữ Đinh Dũng

Chữ Đinh Dũng



Ngô Đức Dũng

Ngô Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------------------|------------------------|------------------------|
| | | Năm 2017 | Năm 2016 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 5.863.274.719 | 3.915.193.133 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 3.500.947.277 | 4.490.485.515 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (686.468.958) | 1.087.011.173 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (231.705) | (1.892.272) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (81.818.182) | (193.902.431) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 167.288.929 | 228.635.277 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 8.762.992.080 | 9.525.530.395 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (7.319.592.356) | 1.098.601.902 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (236.210.375) | 4.692.874.230 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 369.372.212 | (4.998.440.568) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 537.621.614 | 57.299.484 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (181.907.547) | (258.604.036) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 3.450.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.932.275.628 | 10.120.711.407 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (4.079.780.928) | (1.289.598.269) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 81.818.182 | 1.122.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.055.959.419) | (3.024.683.544) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 6.418.796 | 34.940.500 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | 10.000.000 | 20.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 469.285.831 | 95.912.898 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.568.217.538) | (3.041.428.415) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 10.004.925.955 | 8.214.715.428 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (10.176.227.383) | (10.830.193.680) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (171.301.428) | (2.615.478.252) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | (2.807.243.338) | 4.463.804.740 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5.927.739.928 | 1.462.042.916 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 231.705 | 1.892.272 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 3.120.728.295 | 5.927.739.928 |

Người lập biểu

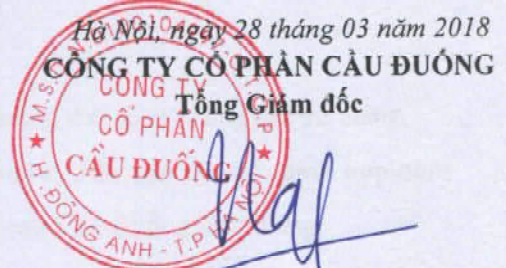
Kế toán trưởng

U Duy

U Duy

Chữ Đỉnh Dững

Chữ Đỉnh Dững



Ngô Đức Dững

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống thành Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ tám ngày 24/11/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Tổng số cổ phần là 3.464.911.000 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - + Giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - + Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - + Kinh doanh và làm vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng;
 - + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất phục vụ chuyên ngành xây dựng;
 - + Kinh doanh vận chuyển đường bộ, kinh doanh bốc xếp, bến thủy nội địa;
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - + Chuyển giao công nghệ vật liệu xây dựng.
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết:
 - + Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí.
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết:
 - + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất và các vật liệu khác.
 - Xây dựng nhà các loại. Chi tiết:
 - + Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
 - + Lập, quản lý, thực hiện các dự án phát triển nhà, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).
 - Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật)

Trụ sở Công ty tại: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo).

6. Cấu trúc Công ty

a) **Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:**

- | | | |
|----|-------------------------------------|---|
| 1. | Công ty Cổ phần Cầu Đuống Sông Hóa | Địa chỉ: Thụy Việt - Thái Thụy - Thái Bình Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88,98% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,98% |
| 2. | Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng | Địa chỉ: Cụm 6 - phường Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51% |

Ngày 12/05/2017, Công ty đã thoái toàn bộ số vốn đầu tư Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng.

b) **Thông tin chi tiết về công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:**

- | | |
|-----------------------------------|---|
| Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn | Địa chỉ: Tổ 5, Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm chịu lửa. Lý do không hợp nhất: không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn |
|-----------------------------------|---|

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Riêng Công ty con là Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng không lập Báo cáo tài chính tại thời điểm thoái vốn (ngày 12/05/2017) nên Báo cáo tài chính của Công ty này được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là Báo cáo tài chính được lập tại thời điểm gần nhất với thời điểm thoái vốn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Khoản góp đầu tư vào công ty liên kết của Công ty là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc.

Công ty không có khoản cho vay nào cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

| <i>Loại tài sản cố định</i> | <i>Thời gian khấu hao <năm></i> |
|--|---------------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 |
| - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 - 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 07 |
| - Tài sản cố định khác | 03 |

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giá trị chuyển giao công nghệ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

| <i>Loại tài sản cố định</i> | <i>Thời gian khấu hao <năm></i> |
|---------------------------------|---------------------------------------|
| - Quyền sử dụng đất | 33 |
| - Phần mềm kế toán | 03 |
| - Giá trị chuyển giao công nghệ | 05 |

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lời từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí xây dựng nhà kho đất than xí nghiệp Mai Lâm, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán theo từng hạng mục công trình, công trình hoặc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có số dư vay gốc ngoại tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, khế ước vay, thời gian vay thực tế; khoản trích trước tiền ăn ca tháng 12 của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê đất; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê đất, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần Công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Riêng giá vốn hoạt động xây lắp (lò gạch) để đảm bảo kinh doanh có lãi, Công ty thực hiện giao khoán cho các xí nghiệp với tỷ lệ 95%-97% giá trị công trình (tùy thuộc vào điều kiện thực tế mà tỷ lệ giao khoán của từng công trình có thể thay đổi). Do vậy chi phí giá vốn hoạt động xây lắp lò gạch được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và không vượt quá tỷ lệ giao khoán trong từng hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí dự phòng...

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**19.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2017, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, tuy nhiên Công ty thực hiện chuyển lỗ nên không phải nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền | 1.123.190.378 | 1.927.739.928 |
| Tiền mặt | 156.408.002 | 168.162.659 |
| Tiền gửi ngân hàng | 966.782.376 | 1.759.577.269 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 1.997.537.917 | 4.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội | 1.997.537.917 | 4.000.000.000 |
| Cộng | 3.120.728.295 | 5.927.739.928 |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 5.080.642.963 | 5.080.642.963 | 4.024.683.544 | 4.024.683.544 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.080.642.963 | 5.080.642.963 | 4.024.683.544 | 4.024.683.544 |
| Tổng cộng | 5.080.642.963 | 5.080.642.963 | 4.024.683.544 | 4.024.683.544 |

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|--------------------|-----|--------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 230.000.000 | | 230.000.000 | |
| Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn (*) | 230.000.000 | | 230.000.000 | |
| Cộng | 230.000.000 | | 230.000.000 | |

(*) Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn nên khoản đầu tư vào Công ty nêu trên được Công ty ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty CP Đầu tư thương mại và Xây dựng Cầu Đuống | 310.370.738 | - | 906.179.476 | - |
| Công ty TNHH Nho Quý | 440.000.000 | - | 440.000.000 | - |
| Công ty TNHH Lâm Phương | 313.571.791 | - | 342.125.576 | - |
| Công ty CP Creat capital | 947.460.000 | - | 1.147.460.000 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân số 1 Điện Biên | 576.643.160 | - | 1.901.518.470 | - |
| Công ty CP gạch ngói | 1.049.359.542 | - | - | - |
| Công ty TNHH Tiến Lương | 1.416.041.000 | - | - | - |
| Các đối tượng khác | 4.887.957.279 | 150.612.438 | 3.960.762.738 | 343.010.270 |
| Cộng | 9.941.403.510 | 150.612.438 | 8.698.046.260 | 343.010.270 |

4. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|--------------------|----------|--------------------|-------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty Thiết kế khảo sát đo đạc | - | - | 92.000.000 | 92.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tài nguyên môi trường Hà Nội | 60.000.000 | - | 60.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Banika | - | - | 95.200.284 | - |
| Các đối tượng khác | 119.768.404 | - | 170.392.404 | - |
| Cộng | 179.768.404 | - | 417.592.688 | 92.000.000 |

5. Phải thu về cho vay

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------|------------------|----------|------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Vũ Duy Thành | 2.797.404 | - | 9.216.200 | - |
| Cộng | 2.797.404 | - | 9.216.200 | - |

6. Phải thu khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|---------------|----------|---------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | | | | |
| - Tạm ứng | 7.907.690.383 | - | 1.291.136.683 | - |
| Nguyễn Xuân Tường (Xí nghiệp gồm Mai Lâm) | 65.000.000 | - | 65.000.000 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

| | | | | |
|------------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|--------------------|
| Nguyễn Hữu Minh (Xí nghiệp cơ khí) | 3.407.729.083 | - | 1.013.189.683 | - |
| Ngô Thành An (Xí nghiệp cơ khí) | 4.225.655.600 | - | - | - |
| Đối tượng khác | 209.305.700 | - | 212.947.000 | - |
| - Phải thu khác | 754.382.194 | 20.000.000 | 1.093.125.646 | 120.000.000 |
| Công ty Thiết kế khảo sát đo đạc | - | - | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Nguyễn Hữu Mạnh | 385.245.695 | - | 435.245.695 | - |
| Đối tượng khác | 369.136.499 | 20.000.000 | 557.879.951 | 20.000.000 |
| Cộng | 8.662.072.577 | 20.000.000 | 2.384.262.329 | 120.000.000 |

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

| 7. Nợ xấu | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| <i>Phải thu khách hàng</i> | <i>225.869.038</i> | <i>75.256.600</i> | <i>441.907.126</i> | <i>98.896.856</i> |
| Công ty CP Xây dựng 556 | 49.334.844 | - | 49.334.844 | - |
| Công ty CP Đầu tư & Xây dựng đô thị Hà Nội | 35.256.600 | 35.256.600 | 115.256.600 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Anh | 40.000.000 | 40.000.000 | 102.907.827 | - |
| Công ty TNHH Toto Việt Nam | 34.742.594 | - | 34.742.594 | 10.422.778 |
| Xí nghiệp 3 - UDIC | - | - | 73.130.261 | 21.939.078 |
| Công ty CP Hoa Phong | 66.535.000 | - | 66.535.000 | 66.535.000 |
| <i>Trả trước người bán</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>92.000.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc | - | - | 92.000.000 | - |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>20.000.000</i> | <i>-</i> | <i>120.000.000</i> | <i>-</i> |
| Tiền bảo lãnh thuê nhà - CN Hải Phòng | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |
| Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc | - | - | 100.000.000 | - |
| Cộng | 245.869.038 | 75.256.600 | 653.907.126 | 98.896.856 |

| 8. Hàng tồn kho | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------------------------|---------------|----------|---------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.110.224.019 | - | 7.034.155.092 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 55.075.540 | - | 54.899.683 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.221.736.468 | - | 6.160.255.656 | - |

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

| | | | | |
|-------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
| Thành phẩm | 10.148.342.374 | 747.535.431 | 7.049.857.595 | 1.049.606.557 |
| Cộng | 20.535.378.401 | 747.535.431 | 20.299.168.026 | 1.049.606.557 |

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 302.071.126 VND. Lý do dẫn đến hoàn nhập là do trong năm Công ty đã tiêu thụ được một số hàng tồn kho đã trích lập dự phòng.

| | | |
|--|-------------------|--------------------|
| 9. Tài sản dở dang dài hạn | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| | VND | VND |
| <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i> | | |
| Nhà kho đất than Xí nghiệp Mai Lâm | - | 897.707.143 |
| Cộng | - | 897.707.143 |

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | | | | |
|------------------------|-------------------|------------------|-------------------------------|------------------|
| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Phần mềm kế toán | Giá trị chuyển giao công nghệ | Đơn vị tính: VND |
| | | | | Cộng |
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2017 | 8.978.217.352 | 12.000.000 | 170.211.300 | 9.160.428.652 |
| Giảm khác (*) | (8.978.217.352) | (12.000.000) | (170.211.300) | (9.160.428.652) |
| Số dư ngày 31/12/2017 | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2017 | 1.560.975.737 | 12.000.000 | 74.042.260 | 1.647.017.997 |
| Giảm khác (*) | (1.560.975.737) | (12.000.000) | (74.042.260) | (1.647.017.997) |
| Số dư ngày 31/12/2017 | - | - | - | - |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 7.417.241.615 | - | 96.169.040 | 7.513.410.655 |
| Tại ngày 31/12/2017 | - | - | - | - |

(*) Giảm khác là do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**11.1 Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

| | | | | |
|------------------------------|---------------|----------------|----------------|------------------|
| Khoản mục | 01/01/2017 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Đơn vị tính: VND |
| | | | | 31/12/2017 |
| Nguyên giá | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |
| Quyền sử dụng đất | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |
| Tồn thất do suy giảm giá trị | - | - | - | - |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| Giá trị còn lại | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |
| Quyền sử dụng đất | 2.656.363.636 | - | - | 2.656.363.636 |

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Tổng cộng | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|------------------------|------------------|---------------------|---------------------------|----------------------|------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2017 | 39.833.940.473 | 40.388.948.004 | 7.382.089.827 | 580.179.115 | 389.804.769 | 88.574.962.188 | |
| Mua trong năm | - | 2.641.143.101 | 409.090.909 | - | - | 3.050.234.010 | |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 1.927.254.061 | - | - | - | - | 1.927.254.061 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (428.571.428) | (670.324.181) | - | - | (1.098.895.609) | |
| Giảm khác (*) | (4.964.488.068) | (4.519.605.798) | (217.420.000) | - | (389.804.769) | (10.091.318.635) | |
| Số dư ngày 31/12/2017 | 36.796.706.466 | 38.081.913.879 | 6.903.436.555 | 580.179.115 | - | 82.362.236.015 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2017 | 25.910.007.671 | 27.192.490.062 | 5.254.434.001 | 530.108.361 | 312.972.282 | 59.200.012.377 | |
| Khấu hao trong năm | 1.172.156.647 | 1.841.719.466 | 464.470.308 | 22.600.856 | - | 3.500.947.277 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (428.571.428) | (458.790.047) | - | - | (887.361.475) | |
| Giảm khác (*) | (1.310.733.648) | (1.527.505.944) | (105.838.933) | - | (248.830.792) | (3.192.909.317) | |
| Số dư ngày 31/12/2017 | 25.771.430.670 | 27.078.132.156 | 5.154.275.329 | 552.709.217 | 64.141.490 | 58.620.688.862 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 13.923.932.802 | 13.196.457.942 | 2.127.655.826 | 50.070.754 | 76.832.487 | 29.374.949.811 | |
| Tại ngày 31/12/2017 | 11.025.275.796 | 11.003.781.723 | 1.749.161.226 | 27.469.898 | (64.141.490) | 23.741.547.153 | |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.585.285.697 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.956.551.438 VND (Tại thời điểm 31/12/2016 là 20.466.066.793 VND)

(*) Giảm khác là do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Chi phí trả trước

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 13.190.001 | 30.856.001 |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 13.190.001 | 30.856.001 |
| b) Dài hạn | 913.599.299 | 1.433.554.913 |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 910.636.799 | 705.365.037 |
| Chi phí thuê đất | - | 725.227.376 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 2.962.500 | 2.962.500 |
| Cộng | 926.789.300 | 1.464.410.914 |

14. Phải trả người bán

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp | - | - | 10.991.445.400 | 10.991.445.400 |
| Công ty Cổ phần Sơn Lâm | 314.603.636 | 314.603.636 | 346.064.000 | 346.064.000 |
| Các đối tượng khác | 1.878.093.135 | 1.878.093.135 | 1.698.937.300 | 1.698.937.300 |
| Cộng | 2.192.696.771 | 2.192.696.771 | 13.036.446.700 | 13.036.446.700 |

15. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại ACB | 5.386.000 | 5.386.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Anh | 500.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 31.171.953 | 25.529.106 |
| Cộng | 536.557.953 | 30.915.106 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2017 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Đơn vị tính: VND 31/12/2017 |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------------|
| | a) Phải nộp | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 793.812.443 | 2.400.440.808 | 3.075.838.030 | 118.415.221 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 405.393.007 | - | - | 405.393.007 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 18.407.856 | 24.806.193 | 10.051.600 | 33.162.449 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 4.367.983.813 | 1.793.438.746 | 4.976.045.900 | 1.185.376.659 |
| Các loại thuế khác | - | 10.000.000 | 10.000.000 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 236.758.422 | 23.706.084 | 25.314.515 | 235.149.991 |
| Cộng | 5.822.355.541 | 4.252.391.831 | 8.097.250.045 | 1.977.497.327 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***b) Phải thu**

| | | | | |
|-----------------------------|--------------------|------------------|-------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 498.930.761 | 5.500.000 | - | 493.430.761 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 24.693.882 | 24.693.882 |
| Cộng | 498.930.761 | 5.500.000 | 24.693.882 | 518.124.643 |

17. Chi phí phải trả

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí lãi vay phải trả | 32.258.882 | 46.877.500 |
| Tiền ăn ca phải trả | 75.537.841 | 96.940.881 |
| Cộng | 107.796.723 | 143.818.381 |

18. Phải trả khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn; | 164.326.068 | 69.110.385 |
| - Bảo hiểm xã hội; | 123.557.700 | 137.164.300 |
| - Bảo hiểm y tế; | 22.579.200 | 57.482.775 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp; | 9.690.800 | 10.551.100 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 15.966.656.485 | 13.426.723.384 |
| Nguyễn Hữu Minh (*) | 8.443.818.893 | 8.452.491.090 |
| Nguyễn Thành An (*) | 6.139.310.127 | 1.894.729.567 |
| Cổ tức phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị | - | 301.243.400 |
| Các đối tượng khác | 1.383.527.465 | 2.778.259.327 |
| Cộng | 16.286.810.253 | 13.701.031.944 |

() Là khoản phải trả ông Nguyễn Hữu Minh, Ngô Thành An theo các hợp đồng xây dựng, lắp đặt cơ khí.**b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***19. Doanh thu chưa thực hiện**

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | | |
| Doanh thu trả trước về cho thuê đất | 9.429.909 | 27.000.127 |
| Cộng | 9.429.909 | 27.000.127 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính

| | 31/12/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) <i>Vay ngắn hạn</i> | 7.421.599.300 | 7.421.599.300 | 10.004.925.955 | 11.353.975.803 | 8.770.649.148 | 8.770.649.148 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội | - | - | - | 847.800.728 | 847.800.728 | 847.800.728 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1) | 1.508.799.300 | 1.508.799.300 | 5.548.350.750 | 4.039.551.450 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Diêm Điền | 750.000.000 | 750.000.000 | - | - | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân (2) | 5.162.800.000 | 5.162.800.000 | 4.456.575.205 | 5.288.875.205 | 5.995.100.000 | 5.995.100.000 |
| Vay cá nhân (*) | - | - | - | 1.177.748.420 | 1.177.748.420 | 1.177.748.420 |
| b) <i>Vay dài hạn</i> | 2.800.000 | 2.800.000 | - | - | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Vay cá nhân | 2.800.000 | 2.800.000 | - | - | 2.800.000 | 2.800.000 |
| Cộng | 7.424.399.300 | 7.424.399.300 | 10.004.925.955 | 11.353.975.803 | 8.773.449.148 | 8.773.449.148 |

(1) Hợp đồng tín dụng số 14-03/2017-HĐTDHMHCT/131-CD ngày 25/01/2017 với hạn mức 5.000.000.000 VND; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2017; lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm và chi có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 335-3/2010 ngày 1/11/2010 là toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung; hợp đồng đảm bảo số 2533/HĐTC ngày 1/12/2009, tài sản thế chấp là trụ sở văn phòng làm việc; hợp đồng đảm bảo số 615-3/2015/HĐTC ngày 29/12/2011 hạng mục nhà đường hộ thuộc nhà máy gạch không nung.

(2) Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân theo giấy báo huy động vốn, thời hạn vay 1 tháng - 06 tháng, lãi suất vay theo từng lần huy động vốn (0% - 8,4%/năm).

(*) Giám đốc trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Km 14 - Quốc lộ 3 - Xã Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội

Số điện thoại : 0243.961.1346

Số fax : 0243.880.0258

Website : www.cauduong.com.vn